

Kinh Văn-thù-sư-lợi Sở Thuyết Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật

Đại Chánh (Taisho) vol. 8, no. 232

Hán dịch: Mạn-đà-la-tiên
Phiên âm & Lược dịch: Nguyễn Tánh & Nguyễn Hiến
Việt dịch: Minh Tấn



Tuệ Quang Wisdom Light Foundation

PO Box 91748, Henderson, NV 89009

Website <http://www.daitangvietnam.com>

Email info@daitangvietnam.com

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiễn Trần Tiến Huyền Phiên Âm và
Lược Dịch Sun Apr 30 19:22:53 2006

=====

Bản dịch tiếng Việt của Chùa Châu Lâm

【**經文資訊**】大正新脩大藏經 第八冊 No. 232 《文殊師利所說摩訶般若波羅蜜經》

【**Kinh văn tư tấn**】Đại Chính Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ bát sách No. 232 《Văn-thù-sư-lợi sở thuyết Ma-ha Bát nhã ba la mật Kinh 》

【**Xuất xứ văn kinh**】Đại Chính Tân Tu Đại Tạng Kinh, Quyển thứ tám, No. 232 《Kinh Văn-thù-sư-lợi Sở Thuyết Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật》

【**版本記錄**】CBETA 電子佛典 V1.9 (UTF-8) 普及版，完成日期：2004/11/14

【**bản bốn kí lục**】CBETA điện tử Phật Điển V1.9 (UTF-8) phổ cập bản，hoàn thành nhật kỳ：2004/11/14

【**Bản gốc**】Phật điển điện tử CBETA V1.9 (UTF-8), Bản phổ thông, hoàn thành ngày: 2004/11/14

【**編輯說明**】本資料庫由中華電子佛典協會 (CBETA) 依大正新脩大藏經所編輯

【**biên tập thuyết minh**】bốn tư liệu khổ do Trung Hoa điện tử Phật Điển hiệp hội (CBETA) y Đại Chính Tân Tu Đại Tạng Kinh sở biên tập

【**Thuyết minh về biên tập**】Kho tư liệu này do hiệp hội Phật điển điện tử Trung Hoa (CBETA) biên tập căn cứ vào bộ Đại Chính Tân Tu Đại Tạng Kinh.

【**原始資料**】維習安大德提供之高麗藏 CD 經文 / 佛教電腦資訊庫功德會校對，CBETA 自行掃描辨識，其他

【**nguyên thủy tư liệu**】Duy-Tập-An Đại Đức đề cung chi cao lệ tạng CD Kinh văn / Phật giáo điện não tư tấn khổ công đức hội giáo đối，CBETA tự hành tảo miếu biện thức，kỳ tha

【Tư liệu gốc】 Tư liệu do Đại đức DuyTập-An cung cấp kinh văn từ đĩa CD của Tạng Cao Ly và do CBETA tự thực hiện trình bày.

【其它事項】 本資料庫可自由免費流通，詳細內容請參閱【中華電子佛典協會資料庫基本介紹】(<http://www.cbeta.org/result/cbintr.htm>)

【kỳ tha sự hạng】 bốn tư liệu khổ khả tự do miễn phí lưu thông，tường tế nội dung thỉnh tham duyệt【Trung Hoa điện tử Phật Điển hiệp hội tư liệu khổ cơ bốn giới thiệu】(<http://www.cbeta.org/result/cbintr.htm>)

【Điều khoản khác】 Kho tư liệu này có thể tự do phổ biến miễn phí. Xin tham khảo nội dung chi tiết trong【Giới thiệu cơ bản Kho tư liệu của Hiệp hội Phật điển điện tử Trung Hoa】

(<http://www.cbeta.org/result/cbintr.htm>)

=====
=====
=====

Taisho Tripitaka Vol. 8, No. 232 文殊師利所說摩訶般若波羅蜜經

Taisho Tripitaka Vol. 8, No. 232 Văn-thù-sư-lợi sở thuyết Ma-ha Bát nhã ba la mật Kinh

Taisho Tripitaka Vol. 8, No. 232 Kinh Văn-thù-sư-lợi Sở Thuyết Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật

CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.9 (UTF-8) Normalized Version, Release Date: 2004/11/14

CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.9 (UTF-8) Normalized Version, Release Date: 2004/11/14

CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.9 (UTF-8) Normalized Version, Release Date: 2004/11/14

Distributor: Chinese Buddhist Electronic Text Association (CBETA)

Distributor: Chinese Buddhist Electronic Text Association (CBETA)

Distributor: Chinese Buddhist Electronic Text Association (CBETA)

Source material obtained from: Tripitaka Koreana as provided by Mr. Christian Wittern / proofread by Electronic Buddhist Society (EBS), CBETA OCR Group, Others

Source material obtained from: Tripitaka Koreana as provided by Mr. Christian Wittern / proofread by Electronic Buddhist Society (EBS), CBETA OCR Group, Others

Source material obtained from: Tripitaka Koreana as provided by Mr. Christian Wittern / proofread by Electronic Buddhist Society (EBS), CBETA OCR Group, Others

Distributed free of charge. For details please read at http://www.cbeta.org/result/cbintr_e.htm

Distributed free of charge. For details please read at http://www.cbeta.org/result/cbintr_e.htm

Distributed free of charge. For details please read at http://www.cbeta.org/result/cbintr_e.htm

=====
=====
=====
=====
=====
=====

No. 232 [Nos. 220(7), 233]

No. 232 [Nos. 220(7), 233]

No. 232 [Nos. 220(7), 233]

文殊師利所說摩訶般若波羅蜜經

Văn-thù-sư-lợi sở thuyết Ma-ha Bát nhã ba la mật

Kinh Văn-thù-sư-lợi Sở Thuyết Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật.

卷上

Kinh quyển thượng

Quyển I

梁扶南國三藏曼陀羅仙譯

lương phù Nam quốc Tam Tạng Mạn-đà-la tiên dịch

Đời Lương, Tam Tạng Mạn-đà-la-tiên nước Phù Nam dịch.

如是我聞。一時佛在舍衛國祇樹給孤獨園。

như thị ngã văn 。 nhất thời Phật tại xá vệ quốc Ki-Thọ Cấp cô độc viên
。

Tôi nghe thế này, một thuở Phật ở nước Xá-vệ, vườn Kỳ thọ Cấp cô độc,

與大比丘僧滿足千人。

dữ Đại bì khâu tăng mãn túc thiên nhân 。

với Đại Tỷ-khưu tăng, đầy đủ ngàn người,

菩薩摩訶薩十千人俱。以大莊嚴而自莊嚴。皆悉已住不退轉地。

Bồ-tát Ma-Ha tát thập thiên nhân câu 。

dĩ Đại trang nghiêm Bồ-tát Ma-Ha Bồ-tát mười ngàn người đều/câu-hội 。

do Đại trang cùng mười ngàn Bồ-tát Ma-ha-tát, dùng Đại trang nghiêm mà tự trang nghiêm, đều đã trụ địa Bất thoái chuyển.

其名曰彌勒菩薩。文殊師利菩薩。

kỳ danh viết Di Lạc Bồ-tát 。

Các vị ấy tên là Bồ-tát Di-lạc, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi,

無礙辯菩薩。不捨擔菩薩。與如是等大菩薩俱。

vô ngại biện Bồ-tát 。 bất xả đảm Bồ-tát 。 dữ như thị đẳng Đại Bồ-tát
câu 。

[Bồ-tát Vô biên biện, Bồ-tát Bất xả đảm, cùng các Đại Bồ-tát như vậy.](#)

文殊師利童真菩薩摩訶薩。

Văn-thù-sư-lợi đồng chân Bồ-tát Ma-Ha tát 。

[Đồng chân Bồ-tát Ma-ha-tát Văn-thù-sư-lợi,](#)

明相現時從其住處來詣佛所。在外而立。

minh tướng hiện thời tòng kỳ trụ xử lai nghệ Phật sở 。

tại
ngoại nhi lập 。

[lúc tướng sáng xuất hiện, từ chỗ ở của mình đi đến chỗ Phật, đứng ở bên ngoài.](#)

爾時尊者舍利弗。富樓那彌多羅尼子。

nhi thời Tôn giả Xá-lợi-phất, Phú-lâu-na, Di Đa La Ni Tử,

[Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất, Phú-lâu-na, Di-đa-la-ni-tử,](#)

大目犍連。摩訶迦葉。摩訶迦旃延。摩訶拘絺羅。

Đại mục kiền liên 。

Ma-ha Ca Diếp 。

Ma-Ha ca chiên duyên 。

Ma-Ha câu hi
la 。

[Đại Mục-kiền-liên, Ma-ha Ca-diếp, Ma-ha Ca-chiên-diên, Ma-ha Câu-hi-la;](#)

如是等諸大聲聞。各從住處俱詣佛所。

như thị đẳng chư Đại thanh văn 。

các tòng trụ xử câu nghệ Phật
sở 。

[các Đại Thanh văn như vậy, đều từ chỗ ở cùng đến chỗ Phật,](#)

在外而立。佛知眾會皆悉集已。

tại ngoại nhi lập 。

Phật tri chúng hội giai tất tập dĩ 。

đứng ở bên ngoài. Phật biết mọi người đều tập hợp xong.

爾時如來從住處出。敷座而坐。告舍利弗。汝今何故。

nhĩ thời Như-Lai tòng trụ xử xuất 。 phu tọa nhi tọa 。 cáo Xá lợi Phật
。 nhữ kim hà cố 。

Bấy giờ, Như lai từ chỗ ở bước ra, ngồi vào chỗ đã bày, bảo Xá-lợi-phất: Các ông
hôm nay vì sao

於晨朝時在門外立。舍利弗白佛言。世尊。

ư Thần triều thời tại môn ngoại lập 。 Xá lợi Phật bạch Phật ngôn
。 Thế tôn 。

lúc sáng sớm đứng ở ngoài cửa? Xá-lợi-phất bạch Phật: Thế tôn,

文殊師利童真菩薩。先已至此住門外立。

Văn-thù-sư-lợi đồng chân Bồ-tát 。 tiên dĩ chí thử trụ môn ngoại
lập 。

Đồng chân Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đã đến chỗ này trước, đang đứng ngoài cửa.

我實於後晚來到耳。爾時世尊問文殊師利。

ngã thật ư hậu văn lai đáo nhĩ 。 nhĩ thời Thế tôn vấn Văn-thù-
sư-lợi 。

Con thật sự đến trễ sau. Bấy giờ Thế tôn hỏi Văn-thù-sư-lợi:

汝實先來到此住處。欲見如來耶。

nhữ thật tiên lai đáo thử trụ xử 。 dục kiến Như-Lai da 。

Ông thật đi đến chỗ này trước, muốn thấy Như lai sao?

文殊師利即白佛言。如是世尊。我實來此欲見如來。

Văn-thù-sư-lợi tức bạch Phật ngôn 。 như thị Thế tôn 。 ngã thật lai thử
dục kiến Như-Lai 。

Văn-thù-sư-lợi liền bạch Phật: Đúng vậy, Thế tôn. Con thật sự đến đây, muốn thấy Như lai.

何以故。我樂正觀利益眾生。

hà dĩ cố 。 ngã lạc Chính quán lợi ích chúng sinh 。

Vì sao? Con thích chính quán, lợi ích chúng sinh.

我觀如來如如相。不異相不動相不作相。

ngã quán Như-Lai như như tướng 。 bất dị tướng bất động tướng bất tác tướng 。

Con quán sát tướng Như Như của Như lai, tướng không đổi, tướng không động, tướng không tạo tác,

無生相無滅相。不有相不無相。不在方不離方。

vô sinh tướng vô diệt tướng 。 bất hữu tướng bất vô tướng 。 bất tại phương bất ly phương 。

tướng không sinh, tướng không diệt, tướng không phải có, tướng không phải không, không tại chỗ, không rời chỗ,

非三世非不三世。非二相非不二相。

phi tam thế phi bất tam thế 。 phi nhị tướng phi bất nhị tướng

không phải ba đời, không phải không ba đời, không phải hai tướng, không phải không hai tướng,

非垢相非淨相。以如是等。正觀如來利益眾生。

phi cấu tướng phi tịnh tướng 。 dĩ như thị đẳng 。 Chính quán Như-Lai lợi ích chúng sinh 。

tướng không nhơ, tướng không sạch; dùng các tướng như vậy, chính quán Như lai lợi ích chúng sinh.

佛告文殊師利。若能如是見於如來。

Phật cáo Văn-thù-sư-lợi 。 nhược năng như thị kiến ư Như-Lai 。

Phật bảo Văn-thù-sư-lợi: Nếu có thể thấy ở Như lai như thế,

心無所取亦無不取。非積聚非不積聚。

tâm vô sở thủ diệc vô bất thủ 。 phi tích tụ phi bất tích tụ tâm
tâm không nắm bắt cũng không phải không nắm bắt, không tích tụ, không phải
không tích tụ.

爾時舍利弗語文殊師利言。若能如是如汝所說。

nhĩ thời Xá lợi Phát ngữ Văn-thù-sư-lợi ngôn 。 nhược năng như thị như
nhữ sở thuyết 。

Bấy giờ Xá-lợi-phất nói với Văn-thù-sư-lợi: Nếu có thể như lời ông nói như thế,

見如來者甚為希有。為一切眾生故見於如來。

kiến Như-Lai giả thậm vi hi hữu 。 vì nhất thiết chúng sinh cố kiến ư
Như-Lai 。

người thấy được Như lai thật ít có. Vì tất cả chúng sinh, nên thấy Như lai

而心不取向涅槃相。化一切眾生向於涅槃。

nhĩ tâm bất thủ chúng sinh chi tướng 。 hóa nhất thiết chúng sinh hướng
ư Niết-Bàn 。

mà tâm không nắm bắt tướng của chúng sinh; giáo hoá tất cả chúng sinh hướng
đến Niết-bàn,

而亦不取向涅槃相。為一切眾生發大莊嚴。

nhĩ diệc bất thủ hướng Niết-Bàn tướng 。 vì nhất thiết chúng sinh phát
Đại trang nghiêm 。

mà cũng không nắm bắt tướng hướng Niết-bàn; vì tất cả chúng sinh phát Đại
trang nghiêm,

而心不見莊嚴之相。

nhi tâm bất kiến trang nghiêm chi tướng 。
mà tâm không thấy tướng trang nghiêm .

爾時文殊師利童真菩薩摩訶薩語舍利弗言。如是如是。如汝所說。

nhĩ thời Văn-thù-sư-lợi đồng chân Bồ-tát Ma-Ha tát ngữ Xá lợi Phất
ngôn 。 như thị như thị 。 như nhữ sở thuyết 。

Bấy giờ, Đồng chân Bồ-tát Ma-ha-tát Văn-thù-sư-lợi nói với Xá-lợi-phất: Đúng
vậy, đúng vậy. Như điều ông nói,

雖為一切眾生發大莊嚴心。恒不見有眾生相。

tuy vì nhất thiết chúng sinh phát Đại trang nghiêm tâm 。 hằng bất kiến
hữu chúng sinh tướng 。

tuy vì tất cả chúng sinh phát tâm Đại trang nghiêm, mà thường không thấy có
tướng chúng sinh;

為一切眾生發大莊嚴。而眾生趣亦不增不減。

vì nhất thiết chúng sinh phát Đại trang nghiêm 。 nhi chúng sinh thú diệc
bất tăng bất giảm 。

vì tất cả chúng sinh phát Đại trang nghiêm, mà cõi chúng sinh cũng không thêm
không bớt.

假使一佛住世。若一劫若過一劫。如此一佛世界。

giả sử nhất Phật trụ thế 。 nhược nhất kiếp nhược quá nhất
kiếp 。 như thử nhất Phật thế giới 。

Giả sử một Phật trụ thế, hoặc một kiếp, hoặc hơn một kiếp. Giống như thế giới
của vị Phật này,

復有無量無邊恒河沙諸佛。

phục hữu vô lượng vô biên hằng hà sa chư Phật 。

lại có vô lượng vô biên hằng hà sa chư Phật.

如是一一佛若一劫若過一劫。晝夜說法心無暫息。

như thị nhất nhất Phật nhược nhất kiếp nhược quá nhất kiếp 。 trú
dạ thuyết Pháp tâm vô tạm tức 。

Mỗi một vị Phật như thế, hoặc một kiếp, hoặc hơn một kiếp, ngày đêm thuyết
Pháp, tâm không ngừng nghỉ,

各各度於無量恒河沙眾生。皆入涅槃。

các các độ ư vô lượng hằng hà sa chúng sinh 。 giai nhập Niết-Bàn 。

mỗi vị độ vô lượng hằng hà sa chúng sinh đều vào Niết-bàn,

而眾生界亦不增不減。乃至十方諸佛世界。亦復如是。

nhi chúng sinh giới diệc bất tăng bất giảm 。

mà cảnh giới chúng sinh cũng không thêm không bớt; cho đến mười phương thế
giới chư Phật cũng như vậy.

一一諸佛說法教化。各度無量恒河沙眾生。

nhất nhất chư Phật thuyết Pháp giáo hóa 。

Mỗi một chư Phật thuyết pháp giáo hóa, độ vô lượng hằng hà sa chúng sinh

皆入涅槃。於眾生界亦不增不減。何以故。

giai nhập Niết-Bàn 。

đều vào Niết-bàn; đối với cảnh giới chúng sinh cũng không thêm, không bớt. Vì
sao?

眾生定相不可得故。是故眾生界不增不減。

chúng sinh định tướng bất khả đắc cố 。

Vì tướng nhất định của chúng sinh không thể có. Vì vậy cảnh giới chúng sinh không thêm không bớt.

舍利弗復語文殊師利言。若眾生界不增不減。

Xá lợi Phất phục ngữ Văn-thù-sư-lợi ngôn 。 nhược chúng sinh giới bất tăng bất giảm 。

Xá-lợi-phất lại nói với Văn-thù-sư-lợi: Nếu cảnh giới của chúng sinh không thêm không bớt,

何故菩薩為諸眾生。

hà cố Bồ-tát vì chư chúng sinh 。

tại sao Bồ-tát vì các chúng sinh,

求阿耨多羅三藐三菩提。常行說法。文殊師利言。

cầu A-nậu-đa-la tam miểu tam Bồ-đề 。

thường hành thuyết Pháp 。

若諸眾生悉空相者。亦無菩薩求阿耨多羅三藐三菩提。

nhược chư chúng sinh tất không tướng giả 。

diệc vô Bồ-tát cầu A-nậu-đa-la tam miểu tam Bồ-đề 。

亦無眾生而為說法。何以故。我說法中。

Nếu tất cả chúng sinh đều là tướng Không thì cũng không có Bồ-tát cầu Vô thượng Chính đẳng Chính giác,

diệc vô chúng sinh nhi vi thuyết Pháp 。

hà dĩ cố 。

vô hữu nhất Pháp đương khả đắc cố 。 nhĩ thời Phật cáo Văn-thù-sư-lợi 。
không có một pháp sẽ có thể đắc. Bấy giờ Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

若無眾生云何說有眾生及眾生界。文殊師利言。

nhược vô chúng sinh vân hà thuyết hữu chúng sinh cập chúng sinh giới
。 Văn-thù-sư-lợi ngôn 。

Nếu không chúng sinh, tại sao nói có chúng sinh và cảnh giới chúng sinh? Văn-
thù-sư-lợi nói:

眾生界相如諸佛界。又問眾生界者是有量耶。

chúng sinh giới tướng như chư Phật giới 。 hựu vấn chúng sinh giới
giả thị hữu lượng da 。

Tướng của cảnh giới chúng sinh cũng như cảnh giới chư Phật. Lại hỏi: Cảnh giới
chúng sinh có kích cỡ chăng?

答曰。眾生界量如佛界量。

đáp viết 。 chúng sinh giới lượng như Phật giới lượng 。

Đáp: Kích cỡ cảnh giới chúng sinh giống như kích cỡ cảnh giới Phật.

佛又問眾生界量有處所不。答曰眾生界量不可思議。

Phật hựu vấn chúng sinh giới lượng hữu xử sở bất 。 đáp viết
chúng sinh giới lượng bất khả tư nghị 。

Phật lại hỏi: Kích cỡ cảnh giới chúng sinh có nơi chốn không? Đáp: Kích cỡ cảnh
giới chúng sinh không thể nghĩ bàn được.

又問眾生界相為有住不。答曰。眾生無住猶如空住。

hựu vấn chúng sinh giới tướng vi hữu trụ bất 。 đáp viết 。 chúng
sinh vô trụ do như không trụ 。

Lại hỏi: Tướng của cảnh giới chúng sinh có chỗ trụ không? Đáp: Chúng sinh
không có chỗ trụ, giống như trụ giữa hư không.

佛告文殊師利。如是修般若波羅蜜時。

Phật cáo Văn-thù-sư-lợi 。 như thị tu bát nhã ba la mật thời 。

[Phật bảo Văn-thù-sư-lợi: Khi tu Bát-nhã ba-la-mật như thế,](#)

當云何住般若波羅蜜。文殊師利言。

đương vân hà trụ bát nhã ba la mật 。

Văn-thù-sư-lợi ngôn 。

[nên làm thế nào trụ Bát-nhã ba-la-mật? Văn-thù-sư-lợi nói:](#)

以不住法為住般若波羅蜜。佛復問文殊師利。

dĩ bất trụ Pháp vi trụ bát nhã ba la mật 。

Phật phục vấn Văn-thù-sư-lợi 。

[Lấy pháp không trụ để trụ Bát-nhã ba-la-mật. Phật lại hỏi Văn-thù-sư-lợi:](#)

云何不住法。名住般若波羅蜜。文殊師利言。以無住相。

vân hà bất trụ Pháp 。

danh trụ bát nhã ba la mật 。

Văn-thù-sư-lợi ngôn 。

dĩ vô trụ tướng 。

[Pháp không trụ gọi là trụ Bát-nhã ba-la-mật là thế nào? Văn-thù-sư-lợi nói:](#)

[Không có tướng trụ](#)

即住般若波羅蜜。佛復告文殊師利。

tức trụ bát nhã ba la mật 。

Phật phục cáo Văn-thù-sư-lợi 。

[tức trụ Bát-nhã ba-la-mật. Phật lại bảo Văn-thù-sư-lợi:](#)

如是住般若波羅蜜時。是諸善根。

như thị trụ bát nhã ba la mật thời 。

thị chư căn lành 。

[Khi trụ Bát-nhã ba-la-mật như vậy, các căn lành này](#)

云何增長云何損減。文殊師利言。若能如是住般若波羅蜜。

vân hà tăng trưởng vân hà tổn giảm 。

Văn-thù-sư-lợi ngôn 。

nhược năng như thị trụ bát nhã ba la mật 。

tăng trưởng thế nào, tổn giảm thế nào? Văn-thù-sư-lợi nói: Nếu có thể trụ Bát-nhã ba-la-mật như vậy,

於諸善根無增無減。於一切法亦無增無減。

ư chư căn lành vô tăng vô giảm 。 ư nhất thiết Pháp diệc vô tăng vô giảm 。

đối với các căn lành, không thêm không bớt; đối với tất cả các pháp, cũng không thêm không bớt;

是般若波羅蜜性相亦無增無減。世尊。

thị bát nhã ba la mật tính tướng diệc vô tăng vô giảm 。

Tế tôn, tính, tướng của Bát-nhã ba-la-mật này cũng không thêm không bớt. Tế tôn,

如是修般若波羅蜜。則不捨凡夫法。亦不取賢聖法。

như thị tu bát nhã ba la mật 。

tắc bất xả phạm phu Pháp 。

何以故。般若波羅蜜不見有法可取可捨。

hà dĩ cố 。

bát nhã ba la mật bất kiến hữu Pháp khả thủ khả xả

如是修般若波羅蜜。

như thị tu bát nhã ba la mật 。

Tu Bát-nhã ba-la-mật như vậy,

亦不見涅槃可樂生死可厭。何以故。不見生死況復厭離。

diệc bất kiến Niết-Bàn khả lạc sinh tử khả yếm 。

cũng không thấy Niết-bàn đáng ưa, sinh tử đáng ghét. Vì sao? Sinh tử còn không thấy, huống là chán bỏ;

不見涅槃何況樂著。如是修般若波羅蜜。

bất kiến Niết-Bàn hà huống lạc trú 。 như thị tu bát nhã ba la mật
Niết-bàn còn không thấy, huống là ưa đắm. Tu Bát-nhã ba-la-mật như vậy,

不見垢惱可捨。亦不見功德可取。於一切法心無增減。

bất kiến cấu não khả xả 。 diệc bất kiến công đức khả thủ 。 ư
nhất thiết Pháp tâm vô tăng giảm 。

không thấy cấu não đáng bỏ, cũng không thấy công đức đáng nắm; đối với tất cả pháp, tâm không thêm, bớt.

何以故。不見法界有增減故。世尊。

hà dĩ cố 。 bất kiến Pháp giới hữu tăng giảm cố 。 Thế tôn 。

Vì sao? Vì không thấy Pháp giới có thêm, bớt. Thế tôn,

若能如是是名修般若波羅蜜。世尊。

nhược năng như thị thị danh tu bát nhã ba la mật 。

Nếu được như vậy, gọi là tu Bát-nhã ba-la-mật. Thế tôn,

不見諸法有生有滅。是修般若波羅蜜。世尊。

bất kiến chư Pháp hữu sinh hữu diệt 。

thị tu bát nhã ba la mật
Thế tôn 。

不見諸法有增有減。是修般若波羅蜜。世尊。

bất kiến chư Pháp hữu tăng hữu giảm 。

thị tu bát nhã ba la mật
Thế tôn 。

心無憚取不見法相有可求者。是修般若波羅蜜。世尊。

tâm vô hi thủ bất kiến Pháp tướng hữu khả cầu giả 。 thị tu bát nhã ba la mật 。 Thế tôn 。

tâm không mong nắm, không thấy tướng pháp đáng cầu, là tu Bát-nhã ba-la-mật.
Thế tôn,

不見好醜不生高下不作取捨。何以故。

bất kiến hảo xú bất sinh cao hạ bất tác thủ xả 。 hà dĩ cố 。

không thấy tốt xấu, không sinh cao thấp, không có nắm, bỏ. Vì sao?

法無好醜離諸相故。法無高下等法性故。

Pháp vô hảo xú ly chư tướng cố 。

Pháp không có tốt, xấu vì lìa các tướng; pháp không có cao, thấp vì tính pháp bình đẳng;

法無取捨住實際故。是修般若波羅蜜。佛告文殊師利。

Pháp vô thủ xả trụ thật tế cố 。

pháp không nắm, bỏ vì trụ Thật tế; đó là tu Bát-nhã ba-la-mật. Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

是諸佛法得不勝乎。文殊師利言。

thị chư Phật Pháp đắc bất thắng hồ 。

Các pháp Phật này không được thù thắng sao? Văn-thù-sư-lợi nói:

我不見諸法有勝如相。如來自覺一切法空。是可證知。

ngã bất kiến chư Pháp hữu thắng như tướng 。

Con không thấy các pháp có tướng Như thù thắng; Như lai tự biết tất cả pháp Không, có thể chứng biết như vậy.

佛告文殊師利。如是如是。

Phật cáo Văn-thù-sư-lợi 。 như thị như thị 。

Phật bảo Văn-thù-sư-lợi: Đúng vậy, đúng vậy.

如來正覺自證空法。文殊師利白佛言。世尊。是空法中。

Như-Lai Chính giác tự chứng không Pháp 。

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật ngôn 。

Thế tôn 。

thị không Pháp trung 。

Như lai chính giác, tự chứng pháp Không. Văn-thù-sư-lợi bạch Phật: Thế tôn, trong pháp Không này

當有勝如而可得耶。佛言。善哉善哉。文殊師利。

đương hữu thắng như nhi khả đắc da 。

Phật ngôn 。

Thiện tai Thiện tai 。

Văn-thù-sư-lợi 。

có Như thù thắng để có thể đắc không? Phật bảo: Lành thay! Lành thay! Văn-thù-sư-lợi,

如汝所說是真法乎。佛復謂文殊師利言。

như như sở thuyết thị chân Pháp hồ 。

Phật phục vị Văn-thù-sư-lợi ngôn

như lời ông nói, đó là Chân pháp. Phật lại bảo Văn-thù-sư-lợi:

阿耨多羅是名佛法不。文殊師利言。如佛所說。

a nậu đa-la thị danh Phật Pháp bất 。

Văn-thù-sư-lợi ngôn 。

như Phật sở thuyết 。

A-nậu-đa-la có gọi là pháp Phật không? Văn-thù-sư-lợi nói: Như lời Phật nói,

阿耨多羅是名佛法。何以故。

a nậu đa-la thị danh Phật Pháp 。

hà dĩ cố 。

A-nậu-đa-la gọi là pháp Phật. Vì sao?

無法可得名阿耨多羅。文殊師利言。如是修般若波羅蜜。

vô Pháp khả đắc danh a nậu đa-la 。 Văn-thù-sư-lợi ngôn 。 như thị tu bát nhã ba la mật 。

Không có Pháp có thể đắc nên gọi là A-nậu-đa-la. Văn-thù-sư-lợi nói: Tu Bát-nhã ba-la-mật như vậy

不名法器。非化凡夫法。亦非佛法非增長法。

bất danh Pháp khí 。 phi hóa phàm phu Pháp 。 diệc phi Phật Pháp phi tăng trưởng Pháp 。

không gọi là Pháp khí, không phải Pháp giáo hoá phàm phu, cũng không phải pháp Phật, không phải Pháp tăng trưởng;

是修般若波羅蜜。復次世尊。修般若波羅蜜時。

thị tu bát nhã ba la mật 。

đó là tu Bát-nhã ba-la-mật. Lại nữa, Thế tôn. Khi tu Bát-nhã ba-la-mật,

不見有法可分別思惟。佛告文殊師利。

bất kiến hữu Pháp khả phân biệt tư duy 。

không thấy có Pháp có thể phân biệt, tư duy. Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

汝於佛法不思惟耶。文殊師利言。不也世尊。

nhữ ư Phật Pháp bất tư duy da 。

Đối với Pháp Phật ông không tư duy sao? Văn-thù-sư-lợi nói: Không, Thế tôn.

如我思惟。不見佛法。

như ngã tư duy 。

Như con suy nghĩ, không thấy Pháp Phật,

亦不可分別是凡夫法是聲聞法是辟支佛法。如是名為無上佛法。

diệc bất khả phân biệt thị phàm phu Pháp thị thanh văn Pháp thị Bích chi Phật Pháp 。 như thị danh vi vô thượng Phật Pháp 。

cũng không thể phân biệt đây là Pháp phàm phu, đây là Pháp Thanh văn, đây là Pháp Phật Bích-chi; như vậy gọi là Pháp Phật Vô thượng.

復次修般若波羅蜜時。不見凡夫相。

phục thứ tu bát nhã ba la mật thời 。 bất kiến phàm phu tướng

Lại nữa, khi tu Bát-nhã ba-la-mật, không thấy tướng phàm phu,

不見佛法相。不見諸法有決定相。是為修般若波羅蜜。

bất kiến Phật Pháp tướng 。 bất kiến chư Pháp hữu quyết định tướng 。

thị vi tu bát nhã ba la mật 。

không thấy tướng Phật Pháp, không thấy các pháp có tướng quyết định; đó là tu Bát-nhã ba-la-mật.

復次修般若波羅蜜時。

phục thứ tu bát nhã ba la mật thời 。

Lại nữa, khi tu Bát-nhã ba-la-mật,

不見欲界不見色界不見無色界不見寂滅界。何以故。

bất kiến dục giới bất kiến sắc giới bất kiến vô sắc giới bất kiến tịch diệt giới 。

không thấy Dục giới, không thấy Sắc giới, không thấy Vô sắc giới, không thấy Tịch diệt giới. Vì sao?

不見有法是盡滅相。是修般若波羅蜜。

bất kiến hữu Pháp thị tận diệt tướng 。

Không thấy có pháp là tướng tận diệt; đó là tu Bát-nhã ba-la-mật.

復次修般若波羅蜜時。不見作恩者不見報恩者。

phục thứ tu bát nhã ba la mật thời 。 bất kiến tác ân giả bất kiến báo ân giả 。

Lại nữa, khi tu Bát-nhã ba-la-mật, không thấy người làm ơn, không thấy người trả ơn,

思惟二相心無分別。是修般若波羅蜜。

tư duy nhị tướng tâm vô phân biệt 。 thị tu bát nhã ba la mật tư duy hai tướng, tâm không phân biệt; đó là tu Bát-nhã ba-la-mật.

復次修般若波羅蜜時。不見是佛法可取。

phục thứ tu bát nhã ba la mật thời 。 bất kiến thị Phật Pháp khả thủ 。

Lại nữa, khi tu Bát-nhã ba-la-mật, không thấy Pháp Phật này có thể nắm,

不見是凡夫法可捨。是修般若波羅蜜。復次修般若波羅蜜時。

bất kiến thị phàm phu Pháp khả xả 。

thị tu bát nhã ba la mật 。

phục thứ tu bát nhã ba la mật thời 。

không thấy Pháp phàm phu này có thể bỏ; đó là tu Bát-nhã ba-la-mật. Lại nữa, khi tu Bát-nhã ba-la-mật,

不見凡夫法可滅。亦不見佛法而心證知。

bất kiến phàm phu Pháp khả diệt 。

diệc bất kiến Phật Pháp nhi tâm chứng tri 。

không thấy Pháp phàm phu có thể diệt, cũng không thấy Pháp Phật mà tâm chứng biết;

是修般若波羅蜜。佛告文殊師利。善哉善哉。

thị tu bát nhã ba la mật 。

Phật cáo Văn-thù-sư-lợi 。

Thiện tai Thiện tai 。

đó là tu Bát-nhã ba-la-mật. Phật bảo Văn-thù-sư-lợi: Lành thay, lành thay.

汝能如是善說甚深般若波羅蜜相。

nhữ năng như thị thiện thuyết thậm thâm bát nhã ba la mật tướng
。

Ông có thể khéo nói tướng Bát-nhã ba-la-mật sâu xa như thế,

是諸菩薩摩訶薩所學法印。

thị chư Bồ-tát Ma-Ha tát sở học Pháp ấn 。

đó là Pháp ấn mà các Bồ-tát Ma-ha-tát học,

乃至聲聞緣覺學無學人亦當不離是印而修道果。

nãi chí thanh văn duyên giác học vô học nhân diệc đương bất ly thị
ấn nhi tu đạo quả 。

cho đến Thanh văn, Duyên giác, bậc Hữu học, Vô học, cũng không nên rời Ấn
này để tu đạo quả.

佛告文殊師利。若人得聞是法不驚不畏者。

Phật cáo Văn-thù-sư-lợi 。

nhược nhân đắc văn thị Pháp bất kinh bất
úy giả 。

Phật bảo Văn-thù-sư-lợi: Nếu người nghe được Pháp này, không kinh, không sợ,

不從千佛所種諸善根。

bất tòng thiên Phật sở chủng chư căn lành 。

thì không phải gieo được căn lành từ ngàn đức Phật,

乃至百千萬億佛所久植德本。乃能於是甚深般若波羅蜜。

nãi chí bách thiên vạn ức Phật sở cứu thực đức bản 。

nãi năng ư thị
thậm thâm bát nhã ba la mật 。

mà đã trồng được cội đức từ lâu ở trăm ngàn vạn ức Phật, mới có thể đối với Bát-
nhã ba-la-mật sâu xa này,

不驚不怖。文殊師利白佛言。世尊。

bất kinh bất phố 。

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật ngôn 。

Thế tôn 。

không kinh, không sợ. Văn-thù-sư-lợi bạch Phật: Thế tôn,

我今更說般若波羅蜜義。佛言。便說。世尊。

ngã kim canh thuyết bát nhã ba la mật nghĩa 。 Phật ngôn 。 tiện thuyết 。 Thế tôn 。

nay con lại nói nghĩa Bát-nhã ba-la-mật. Phật bảo: Cứ nói. Thế tôn,

修般若波羅蜜時。不見法是應住是不應住。

tu bát nhã ba la mật thời 。 bất kiến Pháp thị ứng trụ thị bất ứng trụ 。

khi tu Bát-nhã ba-la-mật, không thấy Pháp là nên trụ, là không nên trụ,

亦不見境界可取捨相。何以故。

diệc bất kiến cảnh giới khả thủ xả tướng 。 hà dĩ cố 。

cũng không thấy tướng có thể nắm, bỏ của cảnh giới. Vì sao?

如諸如來不見一切法境界相故。乃至不見諸佛境界。

như chư Như-Lai bất kiến nhất thiết Pháp cảnh giới tướng cố 。 nãi chí bất kiến chư Phật cảnh giới 。

Vì giống như các Như lai không thấy tướng cảnh giới của tất cả pháp, cho đến cảnh giới của chư Phật cũng không thấy;

況取聲聞緣覺凡夫境界。不取思議相亦不取不思議相。

huống thủ thanh văn duyên giác phàm phu cảnh giới 。 bất thủ tư nghị tướng diệc bất thủ bất tư nghị tướng 。

huống là nắm bắt cảnh giới của Thanh văn, Duyên giác, phàm phu. Không nắm bắt tướng có thể nghĩ bàn, cũng không nắm bắt tướng không thể nghĩ bàn,

不見諸法有若干相。自證空法不可思議。

bất kiến chư Pháp hữu nhược can tướng 。 tự chứng không Pháp bất khả tư nghị 。

không thấy các pháp có bao nhiêu tướng, tự chứng pháp Không không thể nghĩ bàn.

如是菩薩摩訶薩。皆已供養無量百千萬億諸佛。

như thị Bồ-tát Ma-Ha tát 。 giai dĩ cung dưỡng vô lượng bách thiên vạn ức chư Phật 。

Bồ-tát Ma-ha-tát như thế, đều đã cúng dường vô lượng trăm ngàn vạn ức chư Phật,

種諸善根。乃能於是甚深般若波羅蜜。

chủng chư căn lành 。 nãi năng ư thị thậm thâm bát nhã ba la mật 。

gieo các căn lành, mới có thể đối với Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này,

不驚不怖。復次修般若波羅蜜時。不見縛不見解。

bất kinh bất phố 。 phục thứ tu bát nhã ba la mật thời 。 bất kiến phược bất kiến giải 。

không kinh, không sợ. Lại nữa, khi tu Bát-nhã ba-la-mật, không thấy buộc, không thấy cởi,

而於凡夫乃至三乘不見差別相。

nhi ư phàm phu nãi chí tam thừa bất kiến sai biệt tướng 。

mà đối với phàm phu cho đến ba Thừa, không thấy tướng sai biệt;

是修般若波羅蜜。佛告文殊師利。汝已供養幾所諸佛。

thị tu bát nhã ba la mật 。

Phật cáo Văn-thù-sư-lợi 。

nhữ dĩ cung dưỡng ki sở chư Phật 。

đó là tu Bát-nhã ba-la-mật. Phật bảo Văn-thù-sư-lợi: Ông đã cúng dường bao nhiêu đức Phật?

文殊師利言。我及諸佛如幻化相。

Văn-thù-sư-lợi ngôn 。 ngã cập chư Phật như huyễn hóa tướng
Văn-thù-sư-lợi nói: Con và chư Phật, như tướng huyễn hóa,

不見供養及與受者。佛告文殊師利。汝今可不住佛乘耶。

bất kiến cung dưỡng cập dữ thọ giả 。 Phật cáo Văn-thù-sư-lợi 。 nữ
kim khả bất trụ Phật thừa da 。

không thấy cúng dường và người cho, nhận. Phật bảo Văn-thù-sư-lợi: Ông nay
có thể không trụ Phật thừa sao?

文殊師利言。如我思惟不見一法。

Văn-thù-sư-lợi ngôn 。 như ngã tư duy bất kiến nhất Pháp 。

Văn-thù-sư-lợi nói: Như con suy nghĩ, không thấy một Pháp,

云何當得住於佛乘。佛言。文殊師利。汝不得佛乘乎。

vân hà đương đắc trụ ư Phật thừa 。

Phật ngôn 。

文殊師利言。如佛乘者。

Văn-thù-sư-lợi ngôn 。 như Phật thừa giả 。

Văn-thù-sư-lợi nói: Như Phật thừa,

但有名字非可得亦不可見。我云何得。佛言。文殊師利。

đãn hữu danh tự phi khả đắc diệc bất khả kiến 。

Phật ngôn 。

汝得無礙智乎。文殊師利言。我即無礙。

nữ đắc vô ngại trí hồ 。

Ông đắc Trí vô ngại chẳng? Văn-thù-sư-lợi nói: Con chính là Vô ngại,

云何以無礙而得無閼。佛言。汝坐道場乎。文殊師利言。

vân hà dĩ vô ngại nhi đắc vô ngại 。 Phật ngôn 。 nhữ tọa đạo trường hồ 。 Văn-thù-sư-lợi ngôn 。

thì làm sao lấy Vô ngại để đắc Vô ngại? Phật nói: Ông ngồi ở đạo tràng sao? Văn-thù-sư-lợi nói:

一切如來不坐道場。我今云何獨坐道場。

nhất thiết Như-Lai bất tọa đạo trường 。 ngã kim vân hà độc tọa đạo trường 。

Tất cả Như lai không ngồi ở đạo tràng; con nay làm sao một mình ngồi ở đạo tràng?

何以故。現見諸法住實際故。佛言。云何名實際。

hà dĩ cố 。 hiện kiến chư Pháp trụ thật tế cố 。 Phật ngôn 。 vân hà danh thật tế 。

Vì sao? Vì hiện thấy các pháp trụ ở Thật tế. Phật nói: Sao gọi là Thật tế?

文殊師利言。身見等是實際。佛言。

Văn-thù-sư-lợi ngôn 。 thân kiến đẳng thị thật tế 。 Phật ngôn 。

Văn-thù-sư-lợi nói: Thân kiến, vân vân, là Thật tế. Phật nói:

云何身見是實際。文殊師利言。身見如相。非實非不實。

vân hà thân kiến thị thật tế 。 Văn-thù-sư-lợi ngôn 。 thân kiến như tướng 。 phi thật phi bất thật 。

Thế nào là thân kiến là Thật tế? Văn-thù-sư-lợi nói: Tướng Như của thân kiến, chẳng phải thật, chẳng phải không thật,

不來不去亦身非身。是名實際。

Bất-lai bất khứ diệt thân phi thân 。 thị danh thật tế 。

không đến, không đi, cũng là thân mà chẳng phải thân; đó gọi là Thật tế.

舍利弗白佛言。世尊。若於斯義諦了決定。

Xá lợi Phất bạch Phật ngôn 。 Thế tôn 。 nhược ư tư nghĩa để liễu quyết định 。

Xá-lợi-phất bạch Phật: Thế tôn, nếu đối với nghĩa này mà biết đúng chắc chắn,

是名菩薩摩訶薩何以故。

thị danh Bồ-tát Ma-Ha tát hà dĩ cố 。

đó gọi là Bồ-tát Ma-ha-tát. Vì sao?

得聞如是甚深般若波羅蜜相。心不驚不怖不沒不悔。

đắc văn như thị thậm thâm bát nhã ba la mật tướng 。

tâm bất kinh bất phố bất một bất hối 。

Được nghe tướng Bát-nhã ba-la-mật sâu xa như vậy mà tâm không kinh, không sợ, không mất, không hối.

彌勒菩薩白佛言。世尊。

Di Lạc Bồ-tát bạch Phật ngôn 。 Thế tôn 。

Bồ-tát Di-lạc bạch Phật: Thế tôn,

得聞如是般若波羅蜜具足法相。是即近於佛坐。何以故。

đắc văn như thị bát nhã ba la mật cụ túc Pháp tướng 。

thị tức cận ư Phật tọa 。

hà dĩ cố 。

được nghe đầy đủ pháp tướng Bát-nhã ba-la-mật như vậy tức là gần với chỗ ngồi của Phật. Vì sao?

如來現覺此法相故。文殊師利白佛言。世尊。

Như-Lai hiện giác thử Pháp tướng cố 。

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật ngôn 。

Thế tôn 。

Vì Như lai hiện biết Pháp tướng này. Văn-thù-sư-lợi bạch Phật: Thế tôn,

得聞甚深般若波羅蜜。能不驚不怖不沒不悔。

đắc văn thâm thâm bát nhã ba la mật 。 năng bất kinh bất phố
bất một bất hối 。

được nghe Bát-nhã ba-la-mật sâu xa, có thể không kinh, không sợ, không mất,
không hối;

當知此人即是見佛。

đương tri thử nhân tức thị kiến Phật 。

nên biết người này chính là thấy Phật 。

爾時復有無相優婆夷白佛言。世尊。

nhĩ thời phục hữu vô tướng Ưu bà di bạch Phật ngôn 。

Lúc bấy giờ lại có Ưu-bà-di Vô tướng bạch Phật: Thế tôn,

凡夫法聲聞法辟支佛法佛法。是諸法皆無相。

phàm phu Pháp thanh văn Pháp Bích chi Phật Pháp Phật Pháp 。

thị chư Pháp giai vô tướng 。

是故於所從聞般若波羅蜜。

thị cố ư sở tòng văn bát nhã ba la mật 。

Vì vậy, từ chỗ nghe được Bát-nhã ba-la-mật,

皆不驚不怖不沒不悔。何以故。一切諸法本無相故。

giai bất kinh bất phố bất một bất hối 。

hà dĩ cố 。

nhất thiết chư Pháp
bổn vô tướng cố 。

đều không kinh, không sợ, không mất, không hối. Vì sao? Vì tất cả các pháp vốn
không có tướng.

佛告舍利弗。善男子善女人。

Phật cáo Xá lợi Phất 。 thiện nam tử Thiện Nữ Nhân 。

Phật bảo Xá-lợi-phất: Thiện nam tử, Thiện nữ nhân,

若聞如是甚深般若波羅蜜。心得決定不驚不怖不沒不悔。

nhược văn như thị thậm thâm bát nhã ba la mật 。 tâm đắc quyết định bất kinh bất phố bất một bất hối 。

nếu nghe Bát-nhã ba-la-mật sâu xa như vậy, mà tâm được quyết định, không kinh, không sợ, không mất, không hối;

當知是人。即住不退轉地。

đương tri thị nhân 。 tức trụ bất thoái chuyển địa 。

nên biết người ấy, tức trụ địa Bất thoái chuyển.

若人聞是甚深般若波羅蜜。不驚不怖信樂聽受歡喜不厭。

nhược nhân văn như thị thậm thâm bát nhã ba la mật 。 bất kinh bất phố tín lạc thính thọ hoan hỷ bất yếm 。

Nếu người nghe Bát-nhã ba-la-mật sâu xa ấy, mà tâm không kinh, không sợ; tin, vui, nghe, nhận, hoan hỷ, không chán;

是即具足檀波羅蜜尸波羅蜜羸提波羅蜜毘

thị tức cụ túc đàn Ba-la-mật thi ba la mật Sạn-Đề ba la mật ti tức có đủ Bồ thí Ba-la-mật, Trì giới Ba-la-mật, Nhẫn nhục Ba-la-mật,

梨耶波羅蜜禪波羅蜜般若波羅蜜。

lê da ba la mật Thiên ba la mật bát nhã ba la mật 。

Tinh tấn Ba-la-mật, Thiền định Ba-la-mật, Trí tuệ Ba-la-mật;

亦能為他顯示分別如說修行。

diệc năng vi tha hiển thị phân biệt như thuyết tu hành 。

cũng có thể vì người khác, chỉ bày, phân biệt, như thuyết tu hành.

佛告文殊師利。汝觀何義。

Phật cáo Văn-thù-sư-lợi 。 nhữ quán hà nghĩa 。

Phật bảo Văn-thù-sư-lợi: Ông quán sát nghĩa nào

為得阿耨多羅三藐三菩提。住阿耨多羅三藐三菩提。

vi đắc A-nậu-đa-la tam miểu tam Bồ-đề 。

trụ A-nậu-đa-la tam miểu tam Bồ-đề 。

mà được Vô thượng Chính đẳng Chính giác, trụ Vô thượng Chính đẳng Chính giác?

文殊師利言。我無得阿耨多羅三藐三菩提。

Văn-thù-sư-lợi ngôn 。

ngã vô đắc A-nậu-đa-la tam miểu tam Bồ-đề 。

Văn-thù-sư-lợi nói: Con không được Vô thượng Chính đẳng Chính giác;

我不住佛乘。云何當得阿耨多羅三藐三菩提。

ngã bất trụ Phật thừa 。

vân hà đương đắc A-nậu-đa-la tam miểu tam Bồ-đề 。

con không trụ Phật thừa thì làm sao được Vô thượng Chính đẳng Chính giác?

如我所說即菩提相。佛讚文殊師利言。善哉善哉。

như ngã sở thuyết tức bồ đề tướng 。

Phật tán Văn-thù-sư-lợi ngôn 。

Thiện tai Thiện tai 。

Như điều con nói, tức là tướng Bồ-đề. Phật khen ngợi Văn-thù-sư-lợi: Lành thay, lành thay.

汝能於是甚深法中巧說斯義。

nhữ năng ư thị thậm thâm Pháp trung xảo thuyết tư nghĩa

Ông có thể ở trong pháp sâu xa ấy, khéo nói về nghĩa này.

汝於先佛久種善根。以無相法淨修梵行。文殊師利言。

nhữ ư tiên Phật cứu chúng căn lành 。 dĩ vô tướng Pháp tịnh tu phạm hành 。 Văn-thù-sư-lợi ngôn 。

Ông đã từng gieo căn lành ở Phật trước đây, lấy pháp Vô tướng tịnh tu phạm hạnh. Văn-thù-sư-lợi nói:

若見有相則言無相。我今不見有相。

nhược kiến hữu tướng tắc ngôn vô tướng 。 ngã kim bất kiến hữu tướng 。

Nếu thấy tướng Hữu tức nói tướng Vô. Con nay không thấy tướng Hữu,

亦不見無相。云何而言以無相法淨修梵行。

diệc bất kiến vô tướng 。 vân hà nhi ngôn dĩ vô tướng Pháp tịnh tu phạm hành 。

cũng không thấy tướng Vô, thì làm sao lại nói lấy pháp Vô tướng tịnh tu phạm hạnh?

佛告文殊師利。汝見聲聞戒耶。答曰見。佛言汝云何見。

Phật cáo Văn-thù-sư-lợi 。 nhữ kiến thanh văn giới da 。 đáp viết kiến 。

Phật bảo Văn-thù-sư-lợi: Ông thấy giới của Thanh văn không? Đáp: Thấy. Phật nói: Ông làm thế nào để thấy?

文殊師利言。我不作凡夫見不作聖人見。

Văn-thù-sư-lợi ngôn 。 ngã bất tác phàm phu kiến bất tác Thánh nhân kiến 。

Văn-thù-sư-lợi nói: Con không có cái thấy Phàm phu, không có cái thấy Thánh giả;

不作學見不作無學見。不作大見不作小見。

bất tác học kiến bất tác vô học kiến 。

không có cái thấy Hữu học, không có cái thấy Vô học, không có cái thấy lớn, không có cái thấy nhỏ,

不作調伏見不作不調伏見。非見非不見。

bất tác điều phục kiến bất tác bất điều phục kiến 。 phi kiến phi bất kiến 。

không có cái thấy điều phục, không có cái thấy không điều phục, không phải là thấy, không phải là không thấy.

舍利弗語文殊師利言。汝今如是觀聲聞乘。

Xá lợi Phất ngữ Văn-thù-sư-lợi ngôn 。 nhữ kim như thị quán thanh văn thừa 。

Xá lợi Phất nói với Văn-thù-sư-lợi: Ông nay quán Thanh văn thừa như vậy;

若觀佛乘當復云何。文殊師利言。

nhược quán Phật thừa đương phục vân hà 。 Văn-thù-sư-lợi ngôn
nếu quán Phật thừa thì lại như thế nào? Văn-thù-sư-lợi nói:

不見菩提法。不見修行菩提及證菩提者。

bất kiến bồ đề Pháp 。 bất kiến tu hành bồ đề cập chứng bồ đề giả 。

Không thấy pháp Bồ-đề, không thấy người tu hành Bồ-đề và chứng Bồ-đề.

舍利弗語文殊師利言。云何名佛。云何觀佛。文殊師利言。

Xá lợi Phất ngữ Văn-thù-sư-lợi ngôn 。 vân hà danh Phật 。 vân hà quán Phật 。

Xá-lợi-phất nói với Văn-thù-sư-lợi: Thế nào gọi là Phật? Làm thế nào quán Phật?
Văn-thù-sư-lợi nói:

云何為我。舍利弗言。我者但有名字。

vân hà vi ngã 。 xá lợi phất ngôn 。 ngã giả dẫn hữu danh tự 。

Ngã là thế nào? Xá-lợi-phất nói: Ngã chỉ là danh tự.

名字相空。文殊師利言。如是如是。如我但有名字。

danh tự tướng không 。 Văn-thù-sư-lợi ngôn 。 như thị như thị 。 như ngã
đãn hữu danh tự 。

Tướng của danh tự là Không. Văn-thù-sư-lợi nói: Đúng vậy, đúng vậy. Giống như
Ngã chỉ là danh tự,

佛亦但有名字。名字相空即是菩提。

Phật diệc đãn hữu danh tự 。 danh tự tướng không tức thị bồ đề
Phật cũng chỉ là danh tự; tướng của danh tự là Không, tức là Bồ-đề.

不以名字而求菩提。菩提之相無言無說。何以故。

bất dĩ danh tự nhi cầu bồ đề 。 bồ đề chi tướng vô ngôn vô thuyết
。 hà dĩ cố 。

Không dùng danh tự mà cầu Bồ-đề; tướng của Bồ-đề, vô ngôn, vô thuyết. Vì
sao?

言說菩提二俱空故。

ngôn thuyết bồ đề nhị câu không cố 。

Vì ngôn thuyết, Bồ-đề, cả hai đều Không.

復次舍利弗。汝問云何名佛。云何觀佛者。

phục thứ Xá lợi Phất 。 như vấn vân hà danh Phật 。 vân hà quán Phật
giả 。

Lại nữa, Xá-lợi-phất. Ông hỏi thế nào gọi là Phật? Thế nào là quán Phật?

不生不滅不來不去。非名非相。是名為佛。

bất sinh bất diệt Bất-lai bất khứ 。 phi danh phi tướng 。 thị danh vi Phật
。

Không sinh, không diệt, không đến, không đi, không danh, không tướng; đó gọi là
Phật.

如自觀身實相。觀佛亦然。唯有智者乃能知耳。

như tự quán thân thật tướng 。 quán Phật diệc nhiên 。 duy hữu trí giả nãi năng tri nhĩ 。

Giống như tự quán thật tướng của thân, quán Phật cũng như vậy. Chỉ có người trí mới có thể biết;

是名觀佛。

thị danh quán Phật 。

đó gọi là quán Phật.

爾時舍利弗白佛言。世尊。

nhĩ thời Xá lợi Phất bạch Phật ngôn 。 Thế tôn 。

Bấy giờ, Xá-lợi-phất bạch Phật: Thế tôn,

如文殊師利所說般若波羅蜜。非初學菩薩所能了知。

như Văn-thù-sư-lợi sở thuyết bát nhã ba la mật 。

phi sơ học Bồ-tát sở năng liễu tri 。

Bát-nhã ba-la-mật, như Văn-thù-sư-lợi đã nói, không phải là cái có thể liễu tri của Bồ-tát sơ học.

文殊師利言。非但初學菩薩所不能知。

Văn-thù-sư-lợi ngôn 。

phi đãn sơ học Bồ-tát sở bất năng tri 。

Văn-thù-sư-lợi nói: Không chỉ Bồ-tát sơ học không thể liễu tri,

及諸二乘所作已辦者亦未能了知。如是說法。

cập chư nhị thừa sở tác dĩ辦 giả diệc vị năng liễu tri 。

như thị thuyết Pháp 。

mà các hàng Nhị thừa, những việc được làm đã làm xong, cũng chưa có thể liễu tri. Pháp được thuyết như thế,

無能知者。何以故。菩提之相。實無有法而可知故。

vô năng tri giả 。 hà dĩ cố 。 bồ đề chi tướng 。 thật vô hữu Pháp nhi khả tri cố 。

không thể biết được. Vì sao? Vì tướng của Bồ-đề, thật không có pháp để có thể biết;

無見無聞無得無念。無生無滅無說無聽。

vô kiến vô văn vô đắc vô niệm 。 vô sinh vô diệt vô thuyết vô thính 。

không thấy, không nghe, không đắc, không niệm, không sinh, không diệt, không thuyết giảng, không lắng nghe.

如是菩提。性相空寂。無證無知無形無相。

như thị bồ đề 。 tính tướng không tịch 。 vô chứng vô tri vô hình vô tướng 。

Bồ-đề như thế, tính tướng không tịch, không có chứng, không có biết, không có hình, không có tướng;

云何當有得菩提者。

vân hà đương hữu đắc bồ đề giả 。

thì làm sao có người đắc được Bồ-đề.

舍利弗語文殊師利言。佛於法界。

Xá lợi Phất ngữ Văn-thù-sư-lợi ngôn 。 Phật ư Pháp giới 。

Xá-lợi-phất nói với Văn-thù-sư-lợi: Phật, đối với Pháp giới,

不證阿耨多羅三藐三菩提耶。文殊師利言。

bất chứng A-nậu-đa-la tam miểu tam Bồ-đề da 。

không chứng Vô thượng Chính đẳng Chính giác sao? Văn-thù-sư-lợi nói:

不也舍利弗。何以故。世尊即是法界。

bất dã Xá lợi Phất 。 hà dĩ cố 。 Thế tôn tức thị Pháp giới 。
Không, Xá-lợi-phất. Vì sao? Thế tôn tức là Pháp giới.

若以法界證法界者即是諍論。舍利弗。法界之相即是菩提。
nhược dĩ Pháp giới chứng Pháp giới giả tức thị tranh luận 。 Xá lợi Phất
。 Pháp giới chi tướng tức thị Bồ đề 。
Nếu lấy Pháp giới để chứng Pháp giới, tức là tranh luận. Xá-lợi-phất, tướng của
Pháp giới tức là Bồ-đề.

何以故。是法界中無眾生相。一切法空故。
hà dĩ cố 。 thị Pháp giới trung vô chúng sinh tướng 。 nhất thiết Pháp không
cố 。
Vì sao? Vì trong Pháp giới ấy không có tướng chúng sinh; tất cả Pháp đều
Không.

一切法空即是菩提。無二無分別故。舍利弗。
nhất thiết Pháp không tức thị Bồ đề 。 vô nhị vô phân biệt cố 。 Xá lợi
Phất 。
Tất cả Pháp đều Không, tức là Bồ-đề; vì không hai, không phân biệt. Xá-lợi-phất,

無分別中則無知者。若無知者即無言說。
vô phân biệt trung tắc vô tri giả 。 nhược vô tri giả tức vô ngôn
thuyết 。
trong cái không phân biệt thì không có biết. Nếu không có biết tức không ngôn
thuyết.

無言說相。即非有非無非知非不知。
vô ngôn thuyết tướng 。 tức phi hữu phi vô phi tri phi bất tri 。
Tướng không ngôn thuyết, tức chẳng phải có, chẳng phải không, chẳng phải biết,
chẳng phải không biết.

一切諸法亦復如是。何以故。一切諸法不見處所。決定性故。

nhất thiết chư Pháp diệt phục như thị 。 hà dĩ cố 。 nhất thiết chư Pháp bất kiến xử sở 。 quyết định tính cố 。

Tất cả các Pháp cũng lại như vậy. Vì sao? Vì tất cả Pháp không thấy nơi chốn, tính quyết định.

加逆罪相不可思議。何以故。

gia nghịch tội tướng bất khả tư nghị 。 hà dĩ cố 。

Tướng tội nghịch tội tăng, không thể nghĩ bàn. Vì sao?

諸法實相不可壞故。如是逆罪亦無本性。

chư Pháp thật tướng bất khả hoại cố 。

như thị nghịch tội diệt vô bản tính 。

不生天上不墮地獄亦不入涅槃。何以故。一切業緣皆住實際。

bất sinh Thiên thượng bất đọa Địa-ngục diệt bất nhập Niết-Bàn 。 hà dĩ cố 。

nhất thiết nghiệp duyên giai trụ thật tế 。

不來不去非因非果。何以故。

Bất-lai bất khứ phi nhân phi quả 。

không đến, không đi, không phải nhân, không phải quả. Vì sao?

法界無邊無前無後故。是故舍利弗。

Pháp giới vô biên vô tiền vô hậu cố 。

thị cố Xá lợi Phất 。

若見犯重比丘不墮地獄清淨行者不入涅槃。

nhược kiến phạm trọng bỉ khâu bất đọa Địa-ngục thanh tịnh hành giả
bất nhập Niết-Bàn 。

nếu thấy Tỷ-khưu phạm trọng tội không đọa Địa ngục, hành giả thanh tịnh không
vào Niết-bàn,

如是比丘非應供非不應供。非盡漏非不盡漏。何以故。

như thị bỉ khâu phi Ứng-Cúng phi bất Ứng-Cúng 。

phi tận lậu phi
bất tận lậu 。

hà dĩ cố 。

Tỷ-khưu như vậy không phải nên cúng dường, không phải không nên cúng
dường, không phải lậu tận, không phải không lậu tận. Vì sao?

於諸法中住平等故。

ư chư Pháp trung trụ bình đẳng cố 。

Vì trụ bình đẳng đối với các pháp.

舍利弗言。云何名不退法忍。文殊師利言。

Xá lợi Phất ngôn 。

vân hà danh bất thối Pháp nhẫn 。

Văn-thù-sư-lợi
ngôn 。

Xá-lợi-phất nói: Thế nào gọi là Bất thoái pháp nhẫn? Văn-thù-sư-lợi nói:

不見少法有生滅相。名不退法忍。舍利弗言。

bất kiến thiểu Pháp hữu sinh diệt tướng 。

danh bất thối Pháp
nhẫn 。

Xá lợi Phất ngôn 。

Không thấy một pháp nào có tướng sinh diệt, gọi là Bất thoái pháp nhẫn. Xá-lợi-
phất nói:

云何復名不調比丘。文殊師利言。漏盡阿羅漢。

vân hà phục danh bất điều bỉ khâu 。

Văn-thù-sư-lợi ngôn 。

lậu tận A-la-
hán 。

Thế nào gọi là Tỷ-khưu không điều phục? Văn-thù-sư-lợi nói: A-la-hán lậu tận,

是名不調。何以故。

thị danh bất điều 。 hà dĩ cố 。

đó gọi là không điều phục. Vì sao?

諸結已盡更無所調故名不調。若過心行名為凡夫。何以故。

chư' kết dĩ tận canh vô sở điều cố danh bất điều 。 nhược quá tâm hành danh vi phàm phu 。 hà dĩ cố 。

Các kết sử đã hết, không có cái để điều phục, nên gọi không điều phục. Nếu có tâm làm lỗi, gọi là phàm phu. Vì sao?

凡夫眾生不順法界。是故名過。舍利弗言。善哉善哉。

phàm phu chúng sinh bất thuận Pháp giới 。 thị cố danh quá 。 Xá lợi Phất ngôn 。 Thiện tai Thiện tai 。

Chúng sinh phàm phu không thuận Pháp giới; vì vậy gọi là lỗi. Xá-lợi-phất nói: Lành thay, lành thay.

汝今為我善解漏盡阿羅漢義。文殊師利言。

nhữ kim vi ngã thiện giải lậu tận A-la-hán nghĩa 。 Văn-thù-sư-lợi ngôn 。

Ông nay vì tôi khéo giải nghĩa của A-la-hán lậu tận. Văn-thù-sư-lợi nói:

如是如是。我即漏盡真阿羅漢。何以故。

như thị như thị 。 ngã tức lậu tận chân A-la-hán 。 hà dĩ cố 。

Đúng vậy, đúng vậy. Tôi chính là A-la-hán lậu tận. Vì sao?

斷求聲聞欲及辟支佛欲。

đoạn cầu thanh văn dục cập Bích chi Phật dục 。

Đoạn dục mong cầu Thanh văn và dục mong cầu Bích-chi Phật.

以是因緣故名漏盡得阿羅漢。佛告文殊師利。諸菩薩等坐道場時。

dĩ thị nhân duyên cố danh lậu tận đắc A-la-hán 。 Phật cáo Văn-thù-sư-lợi 。 chư Bồ-tát đẳng tọa đạo trường thời 。

Vì nhân duyên này nên gọi là Lậu tận đắc A-la-hán. Phật bảo Văn-thù-sư-lợi: Khi các Bồ-tát ngồi Đạo tràng,

覺悟阿耨多羅三藐三菩提不。文殊師利言。

giác ngộ A-nậu-đa-la Tam Miệu Tam Bồ-đề sao? 。 Văn-thù-sư-lợi ngôn có giác ngộ Vô thượng Chính đẳng Chính giác không? Văn-thù-sư-lợi nói:

菩薩坐於道場。

Bồ-tát tọa ư đạo trường 。

Bồ-tát ngồi ở đạo tràng,

無有覺悟阿耨多羅三藐三菩提。何以故。如菩提相。無有少法而可得者。

vô hữu giác ngộ A-nậu-đa-la tam miệu tam Bồ-đề 。 hà dĩ cố 。 như bồ đề tướng 。

không có giác ngộ Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Vì sao? Giống như tướng Bồ-đề, không có một pháp nào có thể đắc,

名阿耨多羅三藐三菩提。

danh A-nậu-đa-la tam miệu tam Bồ-đề 。

gọi là Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

無相菩提誰能坐者亦無起者。以是因緣不見菩薩坐於道場。

vô tướng bồ đề thùi năng tọa giả diệc vô khởi giả 。

Bồ-đề không có tướng thì ai có thể ngồi, cũng không có khởi. Vì nhân duyên ấy, không thấy Bồ-tát ngồi ở đạo tràng,

亦不覺證阿耨多羅三藐三菩提。

diệc bất giác chứng A-nậu-đa-la tam miệu tam Bồ-đề 。

cũng không giác chứng Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

文殊師利白佛言。世尊。菩提即五逆五逆即菩提。

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật ngôn 。 Thế tôn 。 bồ đề tức ngũ nghịch ngũ nghịch tức bồ đề 。

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật: Thế tôn, Bồ-đề tức năm tội nghịch; năm tội nghịch tức Bồ-đề.

何以故。菩提五逆無二相故。無學無學者。

hà dĩ cố 。 bồ đề ngũ nghịch vô nhị tướng cố 。 vô học vô học giả

Vì sao? Vì Bồ-đề, năm tội nghịch, không có hai tướng. Không học, không người học;

無見無見者。無知無知者。無分別無分別者。

vô kiến vô kiến giả 。 vô tri vô tri giả 。 vô phân biệt vô phân biệt giả 。

không thấy, không người thấy; không biết, không người biết; không phân biệt, không người phân biệt.

如是之相名為菩提。見五逆相亦復如是。

như thị chi tướng danh vi bồ đề 。 kiến ngũ nghịch tướng diệc phục như thị 。

Tướng như thế gọi là Bồ-đề. Thấy tướng năm tội nghịch cũng lại như vậy.

若言見有菩提而取證者。當知此輩即是增上慢人。

nhược ngôn kiến hữu bồ đề nhi thủ chứng giả 。 đương tri thử bối tức thị tăng thượng mạn nhân 。

Nếu nói thấy có Bồ-đề để thủ chứng, nên biết những kẻ này chính là người tăng thượng mạn.

爾時世尊告文殊師利。汝言我是如來。

nhĩ thời Thế tôn cáo Văn-thù-sư-lợi 。 nhữ ngôn ngã thị Như-Lai 。
Bấy giờ, Thế tôn bảo Văn-thù-sư-lợi: Ông nói Ta là Như lai,

謂我為如來乎。文殊師利言。不也世尊。

vị ngã vi Như-Lai hồ 。 Văn-thù-sư-lợi ngôn 。 bất dã Thế tôn 。
cho Ta là Như lai sao? Văn-thù-sư-lợi nói: Không, Thế tôn.

我謂不是如來為如來耶。無有如相可名為如。

ngã vị bất thị Như-Lai vi Như-Lai da 。 vô hữu như tướng khả danh vi
như 。

Con nói không phải Như lai là Như lai sao? Không có tướng Như có thể gọi là
Như;

亦無如來智能知於如。何以故。

diệc vô Như-Lai trí năng tri ư như 。 hà dĩ cố 。

cũng không có trí Như lai có thể biết về Như. Vì sao?

如來及智無二相故。空為如來但有名字。我當云何謂是如來。

Như-Lai cập trí vô nhị tướng cố 。 không vi Như-Lai đãn hữu danh
tự 。

Vì Như lai và Trí, không có hai tướng. Không là Như lai, chỉ có tên gọi; con làm
thế nào cho đó là Như lai.

佛告文殊師利。汝疑如來耶。文殊師利言。

Phật cáo Văn-thù-sư-lợi 。 nhữ nghi Như-Lai da 。 Văn-thù-sư-lợi ngôn 。

Phật bảo Văn-thù-sư-lợi: Ông nghi Như lai sao? Văn-thù-sư-lợi nói:

不也世尊。我觀如來無決定性。

bất dã Thế tôn 。

ngã quán Như-Lai vô quyết định tính 。

Không, Thế tôn. Con quán Như lai, không có tính quyết định,

無生無滅故無所疑。

vô sinh vô diệt cố vô sở nghi 。

không sinh, không diệt, nên không có nghi.

佛告文殊師利。汝今不謂如來出現於世耶。

Phật cáo Văn-thù-sư-lợi 。

nhữ kim bất vị Như-Lai xuất hiện ư thế da 。

Phật bảo Văn-thù-sư-lợi: Ông nay không cho rằng Như lai xuất hiện ở đời sao?

文殊師利言。若有如來出現世者。

Văn-thù-sư-lợi ngôn 。

nhược hữu Như-Lai xuất hiện thế giả 。

Văn-thù-sư-lợi nói: Nếu có Như lai xuất hiện ở đời,

一切法界亦應出現。

nhất thiết Pháp giới diệt ứng xuất hiện 。

thì tất cả Pháp giới cũng nên xuất hiện.

佛告文殊師利。汝謂恒沙諸佛入涅槃耶。

Phật cáo Văn-thù-sư-lợi 。

nhữ vị hằng sa chư Phật nhập Niết-Bàn da 。

Phật bảo Văn-thù-sư-lợi: Ông cho rằng hằng sa chư Phật nhập Niết-bàn sao?

文殊師利言。諸佛一相不可思議。

Văn-thù-sư-lợi ngôn 。

chư Phật nhất tướng bất khả tư nghi 。

Văn-thù-sư-lợi nói: Chư Phật nhất tướng, không thể nghĩ bàn.

佛語文殊師利。如是如是。佛是一相不思議相。

Phật ngữ Văn-thù-sư-lợi 。

như thị như thị 。

Phật thị nhất tướng bất tư nghi tướng 。

Phật bảo Văn-thù-sư-lợi: Đúng vậy, đúng vậy. Phật là Nhất tướng, Bất tư nghi tướng.

文殊師利白佛言。世尊。佛今住世耶。佛語文殊師利。

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật ngôn 。 Thế tôn 。 Phật kim trụ thế da 。 Phật ngữ Văn-thù-sư-lợi 。

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật: Thế tôn, Phật nay trụ thế chăng? Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

如是如是。文殊師利言。若佛住世。

như thị như thị 。 Văn-thù-sư-lợi ngôn 。 nhược Phật trụ thế 。

Đúng vậy, đúng vậy. Văn-thù-sư-lợi nói: Nếu Phật trụ thế,

恒沙諸佛亦應住世。何以故。

hằng sa chư Phật diệc ứng trụ thế 。 hà dĩ cố 。

thì hằng sa chư Phật cũng nên trụ thế. Vì sao?

一切諸佛皆同一相不思議相。不思議相無生無滅。

nhất thiết chư Phật giai đồng nhất tướng bất tư nghị tướng 。 bất tư nghị tướng vô sinh vô diệt 。

Tất cả chư Phật đều cùng một tướng, tướng Bất tư nghị. Tướng Bất tư nghị, không sinh, không diệt.

若未來諸佛出興於世。一切諸佛亦皆出世。何以故。

nhược vị lai chư Phật xuất hưng ư thế 。 nhất thiết chư Phật diệc giai xuất thế 。 hà dĩ cố 。

Nếu chư Phật vị lai xuất hiện ở đời, tất cả chư Phật cũng đều xuất hiện ở đời. Vì sao?

不思議中無過去未來現在相。但眾生取著。

bất tư nghị trung vô quá khứ vị lai hiện tại tướng 。 đăn chúng sinh thủ trú 。

Trong tướng Bất tư nghị, không có tướng quá khứ, vị lai, hiện tại. Chỉ vì chúng sinh chấp trước,

謂有出世謂佛滅度。佛語文殊師利。此是如來。阿羅漢。

vị hữu xuất thế vị Phật diệt độ 。 Phật ngữ Văn-thù-sư-lợi 。 thử thị Như-Lai 。 A-la-hán 。

cho rằng có xuất thế, cho rằng có Phật diệt độ. Phật bảo Văn-thù-sư-lợi: Đây chính là điều được hiểu bởi Như lai, A-la-hán,

阿鞞跋致菩薩所解。何以故。是三種人。

a tỳ bạt trí Bồ-tát sở giải 。 hà dĩ cố 。 thị tam chủng nhân 。

Bồ-tát Bất thoái chuyển. Vì sao? Ba hạng người này

聞甚深法。能不誹謗。亦不讚歎。文殊師利白佛言。

văn thậm thâm Pháp 。 năng bất phỉ báng 。 diệc bất tán thán 。 Văn-thù-sư-lợi bạch Phật ngôn 。

nghe Pháp sâu xa, có thể không phỉ báng, cũng không tán thán. Văn-thù-sư-lợi bạch Phật:

世尊。如是不思議法。誰當誹謗誰當讚歎。

Thế tôn 。 như thị bất tư nghị Pháp 。 thùý đương phỉ báng thùý đương tán thán 。

Thế tôn, pháp Bất tư nghị như thế, ai sẽ phỉ báng, ai sẽ tán thán?

佛告文殊師利。如來不思議。

Phật cáo Văn-thù-sư-lợi 。 Như-Lai bất tư nghị 。

Phật bảo Văn-thù-sư-lợi: Như lai bất tư nghị,

凡夫亦不思議。文殊師利白佛言。世尊。凡夫亦不思議耶。

phàm phu diệc bất tư nghị 。 Văn-thù-sư-lợi bạch Phật ngôn 。 Thế tôn 。

phàm phu diệc bất tư nghị da 。

phàm phu cũng bất tư nghị. Văn-thù-sư-lợi bạch Phật: Thế tôn, phàm phu cũng bất tư nghị sao?

佛言。亦不思議。何以故。一切心相皆不思議。

Phật ngôn 。 diệc bất tư nghị 。 hà dĩ cố 。 nhất thiết tâm tướng giai bất tư nghị 。

Phật nói: Cũng bất tư nghị. Vì sao? Tất cả tướng của tâm đều bất tư nghị.

文殊師利言。若如是說。如來不思議。

Văn-thù-sư-lợi ngôn 。 nhưc như thị thuyết 。 Như-Lai bất tư nghị

Văn-thù-sư-lợi nói: Nếu nói như vậy, Như lai bất tư nghị,

凡夫亦不思議。今無數諸佛求於涅槃徒自疲勞。

phàm phu diệc bất tư nghị 。 kim vô số chư Phật cầu ư Niết-Bàn đồ tự bì lao 。

phàm phu cũng bất tư nghị. Nay vô số chư Phật cầu ở Niết-bàn, chỉ tự mình nhọc công mệt mỏi.

何以故。不思議法即是涅槃。等無異故。

hà dĩ cố 。 bất tư nghị Pháp tức thị Niết-Bàn 。 đẳng vô dị cố 。

Vì sao? Pháp bất tư nghị tức là Niết-bàn, vì ngang bằng không khác.

文殊師利言。如是凡夫不思議諸佛不思議。

Văn-thù-sư-lợi ngôn 。 như thị phàm phu bất tư nghị chư Phật bất tư nghị 。

Văn-thù-sư-lợi nói: Như vậy phàm phu là Bất tư nghị, chư Phật là Bất tư nghị.

若善男子善女人。久習善根近善知識乃能了知。

nhưc thiện nam tử Thiện Nữ Nhân 。 cửu tập căn lành cận thiện tri thức nãi năng liễu tri 。

Nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhân, đã từng tập căn lành, gần Thiện tri thức, mới có thể liễu tri.

佛告文殊師利。

Phật cáo Văn-thù-sư-lợi 。

Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

汝欲使如來於眾生中為最勝耶。文殊師利言。

nhữ dục sử Như-Lai ư chúng sinh trung vi tối thắng da 。

Văn-thù-sư-lợi ngôn 。

Ông muốn khiến Như lai ở giữa chúng sinh làm bậc Tối thắng sao? Văn-thù-sư-lợi nói:

我欲使如來於諸眾生為最第一。但眾生相亦不可得。佛言。

ngã dục sử Như-Lai ư chư chúng sinh vi tối đệ nhất 。

đãn chúng sinh tướng diệc bất khả đắc 。

Phật ngôn 。

Con muốn khiến Như lai đối với các chúng sinh làm bậc Tối thắng đệ nhất, nhưng tướng chúng sinh cũng không thể đắc. Phật nói:

汝欲使如來得不思議法耶。文殊師利言。

nhữ dục sử Như-Lai đắc bất tư nghị Pháp da 。

Văn-thù-sư-lợi ngôn 。

Ông muốn khiến Như lai đắc pháp Bất tư nghị chăng? Văn-thù-sư-lợi nói:

欲使如來得不思議法。而於諸法無成就者。

dục sử Như-Lai đắc bất tư nghị Pháp 。

nhĩ ư chư Pháp vô thành tựu giả 。

Muốn khiến Như lai đắc pháp Bất tư nghị, nhưng đối với các pháp lại không có người thành tựu.

佛告文殊師利汝欲使如來說法教化耶。

Phật cáo Văn-thù-sư-lợi nhữ dục sử Như-Lai thuyết Pháp giáo hóa da
。

Phật bảo Văn-thù-sư-lợi: Ông muốn khiến Như lai thuyết pháp giáo hóa chăng?

文殊師利白佛言我欲使如來說法教化。

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật ngôn ngã dục sử Như-Lai thuyết Pháp giáo hóa
。

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật: Con muốn khiến Như lai thuyết pháp giáo hóa,

而是說及聽者皆不可得。何以故。住法界故。

nhi thị thuyết cập thính giả giai bất khả đắc 。 hà dĩ cố 。 trụ Pháp
giới cố 。

nhưng người thuyết và người nghe đều không thể đắc. Vì sao? Vì trụ Pháp giới.

法界眾生無差別相。

Pháp giới chúng sinh vô sai biệt tướng 。

Pháp giới, chúng sinh, tướng không sai biệt.

佛告文殊師利。汝欲使如來為無上福田耶。

Phật cáo Văn-thù-sư-lợi 。 nhữ dục sử Như-Lai vi vô thượng phúc điền da
。

Phật bảo Văn-thù-sư-lợi: Ông muốn khiến Như lai làm Phước điền vô thượng
sao?

文殊師利言。如來是無盡福田是無盡相。

Văn-thù-sư-lợi ngôn 。 Như-Lai thị vô tận phúc điền thị vô tận tướng

Văn-thù-sư-lợi nói: Như lai là Phước điền vô tận, là tướng vô tận.

無盡相即無上福田。非福田非不福田。

vô tận tướng tức vô thượng phúc điền 。 phi phúc điền phi bất phúc
điền 。

Tướng vô tận tức là Phước điền vô thượng. Chẳng phải Phước điền, chẳng phải không Phước điền,

是名福田。無有明闇生滅等相。是名福田。

thị danh phúc điền 。 vô hữu minh ám sinh diệt đẳng tướng 。 thị danh phúc điền 。

đó gọi là Phước điền. Không có tướng sáng, tối, sinh, diệt, vân vân, đó gọi là Phước điền.

若能如是解福田相。深植善種亦無增減。

nhược năng như thị giải phúc điền tướng 。 thâm thực thiện chủng diệp vô tăng giảm 。

Nếu có thể hiểu tướng Phước điền như vậy, hạt giống thiện trồng sâu cũng không tăng giảm.

佛告文殊師利。云何植種不增不減。

Phật cáo Văn-thù-sư-lợi 。 vân hà thực chủng bất tăng bất giảm 。

Phật bảo Văn-thù-sư-lợi: Thế nào là hạt giống được trồng không tăng không giảm?

文殊師利言。福田之相。不可思議。

Văn-thù-sư-lợi ngôn 。 phúc điền chi tướng 。 bất khả tư nghị 。

Văn-thù-sư-lợi nói: Tướng của Phước điền không thể nghĩ bàn.

若人於中如法修善亦不可思議。如是植種名無增無減。

nhược nhân ư trung như Pháp tu thiện diệp bất khả tư nghị 。 như thị thực chủng danh vô tăng vô giảm 。

Nếu người ở trong ấy, như pháp tu thiện, cũng không thể nghĩ bàn; hạt giống được trồng như thế gọi là không tăng không giảm;

亦是無上最勝福田。爾時大地以佛神力。

diệc thị vô thượng tối thắng phúc điền 。 nhĩ thời Đại địa dĩ Phật Thần lực 。
cũng là Phước điền Vô thượng Tối thắng. Lúc bấy giờ, Đại địa, vì thần lực của
Phật,

六種震動現無常相。一萬六千人皆得無生法忍。

lục chủng chấn động hiện vô thường tướng 。 nhất vạn lục thiên
nhân giai đắc vô sinh Pháp nhẫn 。

sáu loại chấn động, hiện tướng Vô thường; một vạn sáu ngàn người đều đắc Vô
sinh pháp nhẫn;

七百比丘三千優婆塞四萬優婆夷六十億那由

thất bách bỉ khâu tam thiên Ưu bà tắc tứ vạn Ưu bà di lục thập ức
na do

bảy trăm Tỷ-khưu, ba ngàn Ưu-bà-tắc, bốn vạn Ưu-bà-di, sáu mươi ức na-do-tha

他六欲諸天。遠塵離垢於諸法中得法眼淨。

tha lục dục chư Thiên 。 viễn trần ly cấu ư chư Pháp trung đắc
Pháp nhãn tịnh 。

chư Thiên ở sáu cõi trời Dục giới, xa lìa trần cấu, ở trong các pháp đắc được
Pháp nhãn thanh tịnh.

卷下

quyển hạ

Quyển II

爾時阿難從座而起。偏袒右肩右膝著地。

nhĩ thời A-nan tùng tọa nhi khởi 。 Thiên đản hữu kiên hữu tất trú địa
。

Bấy giờ, A-nan từ chỗ ngồi đứng dậy, trạc áo vai phải, gối phải sát đất,

白佛言。世尊。何因緣故。如是大地六種震動。

bạch Phật ngôn 。 Thế tôn 。 hà nhân duyên cố 。 như thị Đại địa lục chúng chấn động 。

bạch Phật: Thế tôn, vì nhân duyên gì, đại địa chấn động sáu loại như vậy?

佛告阿難。我說福田無差別相。故現斯瑞。

Phật cáo A-nan 。 ngã thuyết phúc điền vô sai biệt tướng 。 cố hiện tư thuy 。

Phật bảo A-nan: Ta nói tướng không sai biệt của Phước điền, nên xuất hiện điềm lành này.

往昔諸佛亦於此處。作如是說福田之相。

vãng tích chư Phật diệc ư thử xử 。 tác như thị thuyết phúc điền chi tướng 。

Ngày trước chư Phật cũng ở chỗ này, nói như vậy về tướng của Phước điền,

利益眾生。一切世界六種震動。舍利弗白佛言。

lợi ích chúng sinh. nhất thiết thế giới lục chúng chấn động 。 Xá-lợi-phất bạch Phật ngôn 。

lợi ích chúng sinh, tất cả thế giới sáu loại chấn động. Xá-lợi-phất bạch Phật:

世尊。文殊師利是不可思議。何以故。

Thế tôn 。 Văn-thù-sư-lợi thị bất khả tư nghị 。 hà dĩ cố 。

Thế tôn, Văn-thù-sư-lợi là Bất khả tư nghị. Vì sao?

所說法相不可思議。佛告文殊師利。如是如是。

sở thuyết Pháp tướng bất khả tư nghị 。 Phật cáo Văn-thù-sư-lợi 。 như thị như thị 。

Pháp tướng được thuyết không thể nghĩ bàn. Phật bảo Văn-thù-sư-lợi: Đúng vậy, đúng vậy.

如舍利弗言。

như Xá-lợi-phất ngôn 。

Như Xá-lợi-phất nói:

汝之所說實不可思議文殊師利白佛言。世尊。不可思議不可說。

nhữ chi sở thuyết thật bất khả tư nghị Văn-thù-sư-lợi bạch Phật ngôn 。

Thế tôn 。

bất khả tư nghị bất khả thuyết 。

Pháp ông nói thật không thể nghĩ bàn. Văn-thù-sư-lợi bạch Phật: Thế tôn, không thể nghĩ bàn thì không thể nói;

思議亦不可說。如是思議不思議性俱不可說。

tư nghị diệc bất khả thuyết 。

như thị tư nghị bất tư nghị tính câu bất khả thuyết 。

nghĩ bàn cũng không thể nói. Tính nghĩ bàn và không thể nghĩ bàn như vậy đều không thể nói.

一切聲相非思議亦非不可思議。佛言。

nhất thiết thanh tướng phi tư nghị diệc phi bất khả tư nghị 。

Phật ngôn 。

Tướng của tất cả âm thanh không thể nghĩ bàn, cũng không phải không thể nghĩ bàn. Phật nói:

汝入不思議三昧耶。文殊師利言。不也世尊。我即不思議。

nhữ nhập bất tư nghị tam-muội da 。

Văn-thù-sư-lợi ngôn 。

bất dã Thế tôn 。

ngã tức bất tư nghị 。

Ông nhập tam-muội Bất tư nghị muội sao? Văn-thù-sư-lợi nói: Không, Thế tôn. Con chính là Bất tư nghị;

不見有心能思議者。

bất kiến hữu tâm năng tư nghị giả 。

không thấy có tâm có thể tư nghị,

云何而言入不思議三昧。我初發心欲入是定。而今思惟。

vân hà nhi ngôn nhập bất tư nghị tam-muội 。 ngã sơ phát tâm dục
nhập thị định 。 nhi kim tư duy 。

thì làm sao nói nhập tam-muội Bất tư nghị. Con mới phát tâm, muốn nhập định
ấy, nhưng nay suy nghĩ,

實無心相而入三昧。

thật vô tâm tướng nhi nhập tam-muội 。

thật không có tướng của tâm để nhập tam-muội.

如人學射久習則巧後雖無心以久習故箭發皆中。我亦如是。

như nhân học xạ cửu tập tác xảo hậu tuy vô tâm dĩ cửu
tập cố tiến phát giai trung 。 ngã diệc như thị 。

Như người học bắn, lâu ngày tập luyện thì trở thành giỏi, về sau tuy vô tâm
nhưng vì đã tập luyện lâu, cho nên mũi tên bắn ra đều trúng; con cũng như vậy.

初學不思議三昧繫心一緣。若久習成就。

sơ học bất tư nghị tam-muội hệ tâm nhất duyên 。 nhược cửu tập
thành tựu 。

Khi mới học tam-muội Bất tư nghị, tâm duyên một chỗ; nếu tập lâu ngày thành
tựu,

更無心想恒與定俱。舍利弗語文殊師利言。

canh vô tâm tưởng hằng dĩ định câu 。 Xá-lợi-phất ngữ Văn-thù-
sư-lợi ngôn 。

lại không có tâm tưởng thường cùng với Định sinh khởi. Xá-lợi-phất nói với Văn-
thù-sư-lợi:

更有勝妙寂滅定不。文殊師利言。若有不思議定者。汝可問言。

canh hữu thắng diệu tịch diệt định bất 。 Văn-thù-sư-lợi ngôn 。 nhược
hữu bất tư nghị định giả 。 nhữ khả vấn ngôn 。

Lại có định Thắng diệu tịch diệt sao? Văn-thù-sư-lợi nói: Nếu có định Bất tư nghị thì ông có thể hỏi:

更有寂滅定不。如我意解。

canh hữu tịch diệt định bất 。 như ngã ý giải 。
có định Tịch diệt sao? Như ý ta hiểu,

不可思議定尚不可得。云何問有寂滅定乎。舍利弗言。

bất khả tư nghị định thượng bất khả đắc 。 vân hà vấn hữu tịch diệt định hồ 。 Xá-lợi-phất ngôn 。

định Bất khả tư nghị còn không thể đắc, thì làm sao còn hỏi có định Tịch diệt. Xá-lợi-phất nói:

不可思議定不可得耶。

bất khả tư nghị định bất khả đắc da 。

Định Bất khả tư nghị không thể đắc sao?

文殊師利言。思議定者是可得相。

Văn-thù-sư-lợi ngôn 。 tư nghị định giả thị khả đắc tướng 。

Văn-thù-sư-lợi nói: Định Tư nghị, tướng ấy có thể đắc.

不可思議定者不可得相。一切眾生實成就不思議定。

bất khả tư nghị định giả bất khả đắc tướng 。 nhất thiết chúng sinh thật thành tựu bất tư nghị định 。

Định Bất khả tư nghị, tướng không thể đắc. Tất cả chúng sinh thật sự thành tựu định Bất tư nghị.

何以故。一切心相即非心故。是名不思議定。

hà dĩ cố 。 nhất thiết tâm tướng tức phi tâm cố 。 thị danh bất tư nghị định 。

Vì sao? Vì tất cả tướng của tâm tức chẳng phải tâm; đó gọi là định Bất tư nghị.

是故一切眾生相及不思議三昧相。

thị cố nhất thiết chúng sinh tướng cập bất tư nghị tam-muội tướng 。

Vì vậy, tất cả tướng chúng sinh và tướng tam-muội Bất tư nghị,

等無分別。佛讚文殊師利言。善哉善哉。

đẳng vô phân biệt 。

Phật tán Văn-thù-sư-lợi ngôn 。

Thiện tai Thiện tai 。

汝於諸佛久殖善根淨修梵行。乃能演說甚深三昧。

nhữ ư chư Phật cửu thực căn lành tịnh tu phạm hạnh 。

nãi năng diễn thuyết thậm thâm tam-muội 。

Ông từ lâu ở nơi chư Phật, gieo trồng căn lành, tịnh tu Phạm hạnh, mới có thể

diễn nói tam-muội sâu xa,

汝今安住如是般若波羅蜜中。文殊師利言。

nhữ kim an trú như thị bát nhã ba la mật trung 。

Văn-thù-sư-lợi ngôn 。

nay ông an trú ở trong Bát-nhã ba-la-mật như vậy. Văn-thù-sư-lợi nói:

若我住般若波羅蜜中。能作是說。

nhược ngã trụ bát nhã ba la mật trung 。

năng tác thị thuyết

Nếu con trú trong Bát-nhã ba-la-mật để có thể nói như thế,

即是有想便住我想。若住有想我想中者。

tức thị hữu tưởng tiện trụ ngã tưởng 。

nhược trụ hữu tưởng ngã tưởng trung giả 。

tức là Hữu tưởng, liền trụ Ngã tưởng. Nếu trụ Hữu tưởng, Ngã tưởng,

般若波羅蜜便有處所。般若波羅蜜若住於無。

bát nhã ba la mật tiện hữu xử sở 。 bát nhã ba la mật nhược trụ
ư vô 。

thì Bát-nhã ba-la-mật liền có nơi chốn. Nếu Bát-nhã ba-la-mật trụ ở Vô tướng,

亦是我想亦名處所。離此二處住無所住。

diệc thị ngã tướng diệc danh xử sở 。

ly thử nhị xử trụ vô sở
trụ 。

cũng là Ngã tướng, cũng gọi là nơi chốn. Rồi hai chỗ này, trụ chỗ không trụ.

如諸佛住安處寂滅非思議境界。如是不思議。

như chư Phật trụ an xứ tịch diệt phi tư nghị cảnh giới 。

như thị bất tư
nghị 。

Như chư Phật trụ nơi an ổn tịch diệt, không phải cảnh giới có thể nghĩ bàn. Bất tư
nghị như vậy,

名般若波羅蜜住處。般若波羅蜜處。一切法無相。

danh bát nhã ba la mật trụ xử 。

bát nhã ba la mật xử 。

nhất thiết
Pháp vô tướng 。

gọi là chỗ trụ của Bát-nhã ba-la-mật. Chỗ Bát-nhã ba-la-mật, tất cả pháp vô
tướng,

一切法無作。般若波羅蜜即不思議。不思議即法界。

nhất thiết Pháp vô tác 。

bát nhã ba la mật tức bất tư nghị 。

bất tư
nghị tức Pháp giới 。

tất cả pháp vô tác. Bát-nhã ba-la-mật tức là Bất tư nghị; Bất tư nghị tức là Pháp
giới;

法界即無相。無相即不思議。

Pháp giới tức vô tướng 。

vô tướng tức bất tư nghị 。

Pháp giới tức là Vô tướng; Vô tướng tức là Bất tư nghị.

不思議即般若波羅蜜。般若波羅蜜法界。無二無別。

bất tư nghị tức bát nhã ba la mật 。 bát nhã ba la mật Pháp giới 。
vô nhị vô biệt 。

[Bất tư nghị tức Bát-nhã ba-la-mật. Pháp giới Bát-nhã ba-la-mật, không hai, không khác.](#)

無二無別即法界。法界即無相。無相即般若波羅蜜界。

vô nhị vô biệt tức Pháp giới 。 Pháp giới tức vô tướng 。 vô tướng tức bát nhã ba la mật giới 。

[Không hai, không khác tức Pháp giới. Pháp giới tức Vô tướng. Vô tướng tức cảnh giới Bát-nhã ba-la-mật.](#)

般若波羅蜜界即不思議界不思議界即無生

bát nhã ba la mật giới tức bất tư nghị giới bất tư nghị giới tức vô sinh

[Cảnh giới Bát-nhã ba-la-mật tức là cảnh giới Bất tư nghị. Cảnh giới Bất tư nghị tức là cảnh giới Vô sinh,](#)

無滅界。無生無滅界即不思議界。

vô diệt giới 。 vô sinh vô diệt giới tức bất tư nghị giới 。

[Vô diệt. Cảnh giới Vô sinh, Vô diệt tức cảnh giới Bất tư nghị.](#)

文殊師利言。如來界及我界即不二相。

Văn-thù-sư-lợi ngôn 。 Như-Lai giới cập ngã giới tức bất nhị tướng 。

[Văn-thù-sư-lợi nói: Cảnh giới Như lai và cảnh giới của con là tướng bất nhị.](#)

如是修般若波羅蜜者則不求菩提。何以故。菩提相離。

như thị tu bát nhã ba la mật giả tác bất cầu bồ đề 。 hà dĩ cố 。 bồ đề tướng ly 。

Người tu Bát-nhã ba-la-mật như vậy thì không cầu Bồ-đề. Vì sao? Vì lìa tướng Bồ-đề

即是般若波羅蜜故。世尊。

tức thị bát nhã ba la mật cố 。 Thế tôn 。

tức Bát-nhã ba-la-mật. Thế tôn,

若知我相而不可著。無知無著是佛所知。

nhược tri ngã tướng nhi bất khả trú 。 vô tri Vô trú thị Phật sở tri 。

nếu biết Ngã tướng mà không dính mắc; không biết, không dính mắc là chỗ biết của Phật.

不可思議無知無著即佛所知。何以故。知體本性無所有相。

bất khả tư nghị vô tri Vô trú tức Phật sở tri 。 hà dĩ cố 。 tri thể bản tính vô sở hữu tướng 。

Không thể nghĩ bàn, không biết, không dính mắc, chính là chỗ biết của Phật. Vì sao? Biết bản tính của thể không có tướng.

云何能轉法界。若知本性無體無著者。即名無物。

vân hà năng chuyển Pháp giới 。 nhược tri bản tính vô thể Vô trú giả 。

Làm thế nào có thể chuyển được Pháp giới? Nếu biết bản tính không có tự thể, không dính mắc, tức gọi là không có vật.

若無有物是無處所無依無住。

nhược vô hữu vật thị vô xử sở vô y vô trụ 。

Nếu không có vật, tức không có nơi chốn, không nương, không trụ.

無依無住即無生無滅。無生無滅即是有為無為功德。

vô y vô trụ tức vô sinh vô diệt 。 vô sinh vô diệt tức thị hữu vi vô vi công đức 。

Không nương, không trụ, tức không sinh, không diệt. Không sinh, không diệt, tức là công đức hữu vi, vô vi.

若如是知則無心想。無心想者云何當知。

nhược như thị tri tắc vô tâm tưởng 。 vô tâm tưởng giả vân hà đương tri 。

Nếu biết như vậy thì không có tâm tưởng. Không có tâm tưởng thì làm sao biết?

有為無為功德無知即不思議。

hữu vi vô vi công đức vô tri tức bất tư nghị 。

Công đức hữu vi, vô vi là vô tri, tức Bất tư nghị.

不思議者是佛所知。亦無取無不取。不見三世去來等相。

bất tư nghị giả thị Phật sở tri 。 diệc vô thủ vô bất thủ 。 bất kiến tam thế khứ lai đẳng tướng 。

Bất tư nghị là cái biết của Phật, cũng không nắm bắt, không phải không nắm bắt; không thấy tướng của ba đời đến, đi, vân vân,

不取生滅及諸起作。亦不斷不常。

bất thủ sinh diệt cập chư khởi tác 。 diệc bất đoạn bất thường không nắm bắt sinh diệt và khởi các tạo tác, cũng không đoạn, không thường.

如是知者是名正智。不思議智如虛空。

như thị tri giả thị danh chánh trí 。 bất tư nghị trí như hư không Biết được như thế gọi là Chính trí, Bất tư nghị trí, giống như hư không,

無此無彼不可比類。無好惡無等等無相無貌。

vô thử vô bỉ bất khả bỉ loại 。 vô hảo ác vô đẳng đẳng vô tướng vô mạo 。

không này, không kia, không thể so sánh, phân loại, không tốt xấu, không đồng nhau, không hình tướng, không dung mạo.

佛告文殊師利。若如是知名不退智。文殊師利言。

Phật cáo Văn-thù-sư-lợi 。 nhược như thị tri danh bất thối trí 。 Văn-thù-sư-lợi ngôn 。

Phật bảo Văn-thù-sư-lợi: Nếu biết như vậy gọi là Bất thoái trí. Văn-thù-sư-lợi nói:

無作智名不退智。猶如金鋌先加鎚打方知好惡。

vô tác trí danh bất thối trí 。 do như kim đĩnh tiên gia chùy đả phương tri hảo ác 。

Vô tác trí gọi là Bất thoái trí. Giống như vàng thoi, trước phải dùng búa đập mới biết tốt xấu.

若不治打無能知者。不退智相亦復如是。

nhược bất tri đả vô năng tri giả 。 bất thối trí tướng diệc phục như thị 。

Nếu không đập sửa thì không thể biết. Tướng của Bất thoái trí cũng như thế.

要行境界。不念不著無起無作。

yếu hành cảnh giới 。 bất niệm bất trú vô khởi vô tác 。

Đối với cảnh giới tu hành, cần phải không niệm, không dính mắc, không khởi, không tạo tác,

具足不動不生不滅。爾乃顯現。

cụ túc bất động bất sinh bất diệt 。 nhĩ nãi hiển hiện 。

đầy đủ, bất động, không sinh, không diệt, thì mới hiển bày.

爾時佛告文殊師利言。如諸如來自說己智。

nhĩ thời Phật cáo Văn-thù-sư-lợi ngôn 。 như chư Như-Lai tự thuyết kỷ trí 。

Bấy giờ, Phật bảo Văn-thù-sư-lợi: Chư Như lai tự nói về Trí của mình như thế,

誰當能信。文殊師利言。如是智者。

thùy đương năng tín 。 Văn-thù-sư-lợi ngôn 。 như thị trí giả 。

thì ai có thể tin? Văn-thù-sư-lợi nói: Trí như thế,

非涅槃法非生死法。是寂滅行是無動行。

phi Niết-Bàn Pháp phi sinh tử Pháp 。 thị tịch diệt hành thị vô động hành 。

không phải pháp Niết-bàn, không phải pháp Sinh tử; đó là hạnh Tịch diệt, là hạnh Bất động;

不斷貪欲瞋恚愚癡。亦非不斷。何以故。

bất đoạn tham dục sân khúể ngu si 。 diệc phi bất đoạn 。 hà dĩ cố

không đoạn tham dục, sân nhuế, ngu si; cũng không phải không đoạn. Vì sao?

無盡無滅不離生死亦非不離。不修道非不修道。

vô tận vô diệt bất ly sinh tử diệc phi bất ly 。 bất tu đạo phi bất tu đạo 。

Không tận, không diệt, không rời sinh tử, cũng không phải không rời; không tu đạo, không phải không tu đạo.

作是解者名為正信佛告文殊師利言。善哉善哉。

tác thị giải giả danh vi chánh tín Phật cáo Văn-thù-sư-lợi ngôn 。 Thiện tai Thiện tai 。

Người hiểu như thế gọi là Chính tín. Phật bảo Văn-thù-sư-lợi: Lành thay! Lành thay!

如汝所說深解斯義。爾時摩訶迦葉白佛言。世尊。

như nhữ sở thuyết thâm giải tư nghĩa 。 nhĩ thời Ma ha Ca-diếp bạch Phật ngôn 。 Thế tôn 。

Ông nói như thế tức đã thâm hiểu được nghĩa này. Bấy giờ Ma-ha Ca-diếp bạch Phật: Thế tôn,

於當來世。若說如是甚深正法。

ư đương lai thế 。 nhược thuyết như thị thậm thâm chánh Pháp ở đời vị lai, nếu nói Chính pháp sâu xa như vậy,

誰能信解如聞受行。佛告迦葉。

thùy năng tín giải như văn thọ hành 。 Phật cáo ca diệp 。

thì ai có thể tin hiểu, lãnh thọ, thực hành giống như đã nghe? Phật bảo Ca-diếp:

今此會中比丘比丘尼優婆塞優婆夷得聞此經者。

kim thử hội trung bỉ khâu bỉ khâu ni Ưu-bà- tắc Ưu-bà- di đắc văn thử Kinh giả 。

Nay ở trong hội này, Tỷ-khưu, Tỷ-khưu ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, được nghe kinh này.

如是人等於未來世若聞是法。必能信解於甚深般若波羅蜜。

như thị nhân đẳng ư vị lai thế nhược văn thị Pháp 。

tất năng tín giải ư thậm thâm bát nhã ba la mật 。

Những người như vậy ở đời vị lai, nếu nghe pháp như thế, chắc chắn có thể tin hiểu đối với Bát-nhã ba-la-mật sâu xa,

乃能讀誦信解受持。亦為他人分別演說。

nãi năng độc tụng tín giải thọ trì 。

diệc vi tha nhân phân biệt diễn thuyết 。

và có thể đọc tụng, tin hiểu, thọ trì, còn vì người khác phân biệt diễn nói.

譬如長者失摩尼寶憂愁苦惱。後若還得。

thí như Trưởng-Giả thất ma-ni bảo ưu sầu khổ não 。

hậu nhược hoàn đắc 。

Ví như Trường giả, mất ngọc báu Ma-ni, ưu sầu khổ não. Về sau nếu được lại,

心甚歡喜。如是迦葉。比丘比丘尼優婆塞優婆夷等。

tâm thậm hoan hỷ 。 như thị ca diệp 。 bỉ khâu bỉ khâu ni Ưu-bà- tắc
Ưu-bà- di đẵng 。

tức tâm rất hoan hỷ. Như vậy, Ca-diệp. Tỷ-khưu, Tỷ-khưu ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di,
vân vân,

亦復如是。有信樂心。若不聞法則生苦惱。

diệc phục như thị 。 hữu tín lạc tâm 。 nhược bất văn Pháp tắc sinh
khổ não 。

cũng thế. Có tâm tín, tâm ưa thích, mà không được nghe pháp tức sinh khổ não;

若得聞時信解受持。常樂讀誦甚大歡喜。

nhược đắc văn thời tín giải thọ trì 。 thường lạc đọc tụng thậm Đại
hoan hỷ 。

nếu được nghe tức tin hiểu, thọ trì, thường thích đọc tụng, rất hoan hỷ.

當知此人即是見佛。亦即親近供養諸佛。

đương tri thử nhân tức thị kiến Phật 。 diệc tức thân cận cung dưỡng
chư Phật 。

Nên biết người này chính là thấy Phật, cũng chính là gần gũi cúng dường chư
Phật.

佛告迦葉。譬如忉利天上波利質多羅樹胞初出時。

Phật cáo ca diệp 。 thí như đao lợi Thiên thượng Ba lợi chất đa la thụ
pháo sơ xuất thời 。

Phật bảo Ca-diệp: Ví như trên trời Đao-lợi, khi cây Ba-lợi-chất-đa-la vừa mới xuất
hiện,

是中諸天,見是樹已皆大歡喜。

thị trung chư Thiên kiến thị thụ dĩ giai Đại hoan hỉ。
chư Thiên ở đó, sau khi nhìn thấy cây này, đều rất hoan hỉ.

此樹不久必當開敷。若比丘比丘尼優婆塞優婆夷。

thử thụ bất cửu tất đương khai phu。nhược bỉ khâu bỉ khâu ni
Ưu-bà-tắc Ưu-bà-di。

Cây này, không lâu, tất sẽ phô bày. Nếu Tỷ-khưu, Tỷ-khưu ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di

得聞般若波羅蜜。能生信解。亦復如是。

đắc văn bát nhã ba la mật。 năng sinh tín giải。 diệc phục như thị
được nghe Bát-nhã ba-la-mật, có thể sinh tin hiểu, thì cũng như thế.

此人不久亦當開敷一切佛法。於當來世。

thử nhân bất cửu diệc đương khai phu nhất thiết Phật Pháp。 ư
đương lai thế。

Người này, không lâu, cũng sẽ mở bày tất cả Phật pháp. Ở đời vị lai,

有比丘比丘尼優婆塞優婆夷。聞般若波羅蜜。

hữu bỉ khâu bỉ khâu ni Ưu-bà-tắc Ưu-bà-di。 văn bát nhã ba la mật
。

có Tỷ-khưu, Tỷ-khưu ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nghe Bát-nhã ba-la-mật,

信受讀誦心不悔沒。當知是人已從此會聽受是經。

tín thọ độc tụng tâm bất hối một。 đương tri thị nhân dĩ tòng thử
hội thính thọ thị Kinh。

tin nhận, đọc tụng, tâm không hối hận, thối thất, nên biết người ấy đã từ nơi hội
này nghe nhận kinh ấy,

亦能為人聚落城邑廣說流布。

diệc năng vi nhân tụ lạc thành ấp quảng thuyết lưu bố。

còn có thể vì người khác, làng xóm, thành ấp, rộng nói lưu truyền;

當知是人佛所護念。如是甚深般若波羅蜜中。

đương tri thị nhân Phật sở hộ niệm 。 như thị thậm thâm bát nhã ba la mật trung 。

nên biết người ấy được Phật hộ niệm. Trong Bát-nhã ba-la-mật sâu xa như vậy,

有能信樂無疑惑者。是善男子善女人。於過去諸佛。

hữu năng tín lạc vô nghi hoặc giả 。 thị thiện nam tử Thiện Nữ Nhân 。

có người có thể tin, thích, không nghi hoặc, thì Thiện nam tử, Thiện nữ nhân này, ở nơi chư Phật quá khứ,

久已修學殖眾善根。譬如有人以手穿珠。

cửu dĩ tu học thực chúng căn lành 。

đã từng tu học, trồng các căn lành. Ví như có người dùng tay khoét thủng viên ngọc,

忽遇無上真摩尼寶。心大歡喜。

hốt ngộ vô thượng chân ma-ni bảo 。

bỗng nhiên gặp được ngọc báu Ma-ni đích thực không gì bằng, tâm rất hoan hỉ.

當知是人必已曾見。如是迦葉。

đương tri thị nhân tất dĩ tăng kiến 。

Nên biết người ấy tức đã từng thấy. Như vậy, Ca-diếp.

若善男子善女人修學餘法。

nhược thiện nam tử Thiện Nữ Nhân tu học dư Pháp 。

Nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhân tu học pháp khác,

忽然得聞甚深般若波羅蜜能生歡喜。亦復如是。當知此人已曾聞故。

hốt nhiên đắc văn thậm thâm bát nhã ba la mật năng sinh hoan
hỉ 。 diệc phục như thị 。 đương tri thử nhân dĩ tăng văn cố 。

bỗng nhiên được nghe Bát-nhã ba-la-mật sâu xa, mà có thể sinh hoan hỉ, thì
cũng như thế; nên biết người ấy vì đã từng nghe.

若有眾生得聞甚深般若波羅蜜。

nhược hữu chúng sinh đắc văn thậm thâm bát nhã ba la mật 。

Nếu có chúng sinh được nghe Bát-nhã ba-la-mật sâu xa,

心能信受生大歡喜。如是人等亦曾親近無數諸佛。

tâm năng tín thọ sinh Đại hoan hỉ 。 như thị nhân đẳng diệc tăng
thân cận vô số chư Phật 。

tâm có thể tin nhận, sinh đại hoan hỉ, thì những người, vân vân, như vậy cũng đã
từng gần gũi vô số chư Phật,

從聞般若波羅蜜已修學故。譬如有人。

tòng văn bát nhã ba la mật dĩ tu học cố 。

ví như hữu nhân
vì đã tu học khi nghe được Bát-nhã ba-la-mật. Ví như có người,

先所經見城邑聚落後若聞人讚歎彼城所有園苑種種池泉

tiên sở Kinh kiến thành ấp tụ lạc hậu nhược văn nhân tán
thán bỉ thành sở hữu viên uyển chủng chủng trì tuyền

đối với thành ấp, làng xóm đã từng thấy trước đó, về sau nếu nghe có người khen
ngợi thành đó có vườn tược, đủ loại ao, suối,

華果林樹男女人民皆可愛樂。

hoa quả lâm thụ nam nữ nhân dân giai khả ái lạc 。

hoa quả, rừng cây, con trai, con gái, người dân, tất cả đều đáng yêu đáng thích;

是人聞已即大歡喜。

thị nhân văn dĩ tức Đại hoan hỷ 。

thì người này sau khi nghe tức sẽ rất hoan hỷ;

更勸令說是城園苑眾好嚴飾雜華池泉多諸甘果。種種珍妙一切愛樂。

canh khuyến lệnh thuyết thị thành viên uyển chúng hảo nghiêm
sức tạp hoa trì tuyền đa chư cam quả 。

chủng chủng trân diệu
nhất thiết ái lạc 。

lại bảo nói về thành này có vườn tược, các thứ trang sức đẹp, nhiều loại hoa, ao, suối, có nhiều trái ngọt, đủ thứ trân diệu, tất cả đều đáng yêu thích.

是人得聞重甚歡喜。如是之人皆曾見故。

thị nhân đắc văn trọng thậm hoan hỷ 。

như thị chi nhân giai tăng kiến cố 。

Người này nghe được lại rất hoan hỷ; vì người này đã từng thấy như vậy.

若善男子善女人。有聞般若波羅蜜。

nhược thiện nam tử Thiện Nữ Nhân 。

hữu văn bát nhã ba la mật 。

Nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhân nghe được Bát-nhã ba-la-mật,

信心聽受能生歡喜。樂聞不厭而更勸說。

tín tâm thính thọ năng sinh hoan hỷ 。

lạc văn bất yếm nhi canh khuyến thuyết 。

tâm tin, nghe nhận, có thể sinh hoan hỷ, ưa nghe không chán, rồi lại khiến nói.

當知此輩已從文殊師利。曾聞如是般若波羅蜜故。迦葉白佛言。

đương tri thủ bối dĩ tòng Văn-thù-sư-lợi 。

tăng văn như thị bát nhã ba la mật cố 。

ca diệp bạch Phật ngôn 。

Nên biết những người này, đã từ Văn-thù-sư-lợi, từng nghe Bát-nhã ba-la-mật như vậy. Ca-diếp bạch Phật:

世尊。若將來世善男子善女人。

Thế tôn 。 nhược tướng lai thế thiện nam tử Thiện Nữ Nhân 。

Thế tôn, nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhân ở đời vị lai,

得聞是甚深般若波羅蜜。信樂聽受。以是相故。

đắc văn thị thậm thâm bát nhã ba la mật 。 tín lạc thính thọ 。

được nghe Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này, tin ưa, nghe nhận, thì vì tướng như thế,

當知此人亦於過去佛所曾聞修學。

đương tri thử nhân diệc ư quá khứ Phật sở tăng văn tu học 。

mà biết người này, đối với Phật quá khứ, cũng đã từng nghe, từng tu học.

文殊師利白佛言。世尊。佛說諸法無作無相第一寂滅。

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật ngôn 。 Thế tôn 。 Phật thuyết chư Pháp vô tác vô tướng đệ nhất tịch diệt 。

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật: Thế tôn, Phật nói các pháp vô tác, vô tướng, tịch diệt đệ nhất.

若善男子善女人。有能如是諦了斯義。

nhược thiện nam tử Thiện Nữ Nhân 。 hữu năng như thị đế liễu tư nghĩa

Nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhân, có thể hiểu đúng nghĩa này như thế,

如聞如說。為諸如來之所讚歎。不違法相是即佛說。

như văn như thuyết 。 vi chư Như-Lai chi sở tán thán 。 bất vi Pháp tướng thị tức Phật thuyết 。

như nghe, như nói, được chư Như lai tán thán, không trái pháp tướng, tức là Phật thuyết,

亦是熾然般若波羅蜜相。

diệc thị sí nhiên bát nhã ba la mật tướng 。

cũng là tướng minh bạch của Bát-nhã ba-la-mật,

亦名熾燃具足佛法。通達實相不可思議。佛告文殊師利。

diệc danh sí nhiên cụ túc Phật Pháp 。

thông đạt thật tướng bất khả tư nghị 。

Phật cáo Văn-thù-sư-lợi 。

cũng gọi là minh bạch, đầy đủ Phật pháp, thông đạt thật tướng bất khả tư nghị.

Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

我本行菩薩道時修諸善根。欲住阿鞞跋致地。

ngã bản hành Bồ Tát đạo thời tu chư căn lành 。

dục trụ a tỳ bạt trí địa 。

Lúc Ta hành đạo Bồ-tát, tu các căn lành, muốn trụ địa Bất thoái,

當學般若波羅蜜。欲成阿耨多羅三藐三菩提。

đương học bát nhã ba la mật 。

dục thành a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。

thì phải học Bát-nhã ba-la-mật; muốn thành Vô thượng Chính đẳng Chính giác,

當學般若波羅蜜。若善男子善女人。

đương học bát nhã ba la mật 。

nhược thiện nam tử Thiện Nữ Nhân 。

thì phải học Bát-nhã ba-la-mật. Nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhân,

欲解一切法相欲知一切眾生心界皆悉同等。

dục giải nhất thiết Pháp tướng dục tri nhất thiết chúng sinh tâm giới giai tất đồng đẳng 。

muốn hiểu tất cả pháp tướng, muốn biết tâm giới tất cả chúng sinh đều như nhau,

當學般若波羅蜜。文殊師利。

đương học bát nhã ba la mật 。 Văn-thù-sư-lợi 。
thì phải học Bát-nhã ba-la-mật. Văn-thù-sư-lợi,

欲學一切佛法具足無礙。當學般若波羅蜜。

dục học nhất thiết Phật Pháp cụ túc vô ngại 。 đương học bát nhã ba
la mật 。

muốn học tất cả Phật pháp, đầy đủ, không ngại, thì phải học Bát-nhã ba-la-mật.

欲學一切佛成阿耨多羅三藐三菩提時相好威儀無量法式。

dục học nhất thiết Phật thành a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề thời tướng
hảo uy nghi vô lượng Pháp thức 。

Muốn học tướng tốt, oai nghi, vô lượng pháp tắc của tất cả chư Phật lúc thành Vô
thượng Chính đẳng Chính giác,

當學般若波羅蜜。

đương học bát nhã ba la mật 。

thì phải học Bát-nhã ba-la-mật.

欲知一切佛不成阿耨多羅三藐三菩提一切法式及諸威儀。

dục tri nhất thiết Phật bất thành a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề nhất thiết
Pháp thức cập chư uy nghi 。

Muốn biết tất cả pháp tắc và các oai nghi mà tất cả chư Phật không thành Vô
thượng Chính đẳng Chính giác,

當學般若波羅蜜。

đương học bát nhã ba la mật 。

thì phải học Bát-nhã ba-la-mật.

何以故是空法中不見諸佛菩提等故。若善男子善女人。

hà dĩ cố thị không Pháp trung bất kiến chư Phật bồ đề đẳng cố 。

nhược
thiện nam tử Thiện Nữ Nhân 。

Vì sao? Vì trong pháp Không, không thấy chư Phật, Bồ-đề, vân vân. Nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhân,

欲知如是等相無疑惑者。當學般若波羅蜜。何以故。般若波羅蜜。

dục tri như thị đẳng tướng vô nghi hoặc giả 。 đương học bát nhã ba la mật 。 hà dĩ cố 。 bát nhã ba la mật 。

muốn biết các tướng như vậy mà không nghi hoặc, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật
Vì sao? Bát-nhã ba-la-mật

不見諸法若生若滅若垢若淨。

bất kiến chư Pháp nhược sinh nhược diệt nhược cấu nhược tịnh 。

không thấy các pháp hoặc sinh, hoặc diệt, hoặc cấu, hoặc tịnh.

是故善男子善女人。應作如是學般若波羅蜜。

thị cố thiện nam tử Thiện Nữ Nhân 。 ứng tác như thị học bát nhã ba la mật 。

Vì vậy, Thiện nam tử, Thiện nữ nhân nên có cách học Bát-nhã ba-la-mật như vậy.

欲知一切法無過去未來現在等相。當學般若波羅蜜。

dục tri nhất thiết Pháp vô quá khứ vị lai hiện tại đẳng tướng 。 đương học bát nhã ba la mật 。

Muốn biết tất cả các Pháp không có tướng quá khứ, vị lai, hiện tại, vân vân, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

何以故。法界性相無三世故。

hà dĩ cố 。 Pháp giới tính tướng vô tam thế cố 。

Vì sao? Vì tính và tướng của Pháp giới không có ba đời.

欲知一切法同入法界心無罣礙。當學般若波羅蜜。

dục tri nhất thiết Pháp đồng nhập Pháp giới tâm vô quái ngại 。
đương học bát nhã ba la mật 。

Muốn biết tất cả các pháp cùng nhập Pháp giới, tâm không ngăn ngại, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật.

欲得三轉十二行法輪亦自證知而不取著。

dục đắc tam chuyển thập nhị hành Pháp luân diệc tự chứng tri
nhĩ bất thủ trú 。

Muốn đắc mười hai hành tướng của ba lần chuyển Pháp luân, và tự chứng biết mà không chấp trước,

當學般若波羅蜜。

đương học bát nhã ba la mật 。

thì nên học Bát-nhã ba-la-mật.

欲得慈心遍覆一切眾生而無限齊亦不作念有眾生相。當學般若波羅蜜

dục đắc từ tâm biến phúc nhất thiết chúng sinh nhi vô hạn tề diệc
bất tác niệm hữu chúng sinh tướng 。

Muốn được tâm Từ trùm khắp tất cả chúng sinh không bị giới hạn, và không khởi niệm có tướng chúng sinh, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật.

欲得於一切眾生不起諍論亦復不取無諍論

dục đắc ư nhất thiết chúng sinh bất khởi tránh luận diệc phục bất
thủ vô tránh luận

Muốn không khởi tranh luận đối với tất cả chúng sinh, và cũng không chấp tướng không tranh luận,

相。當學般若波羅蜜。

tướng 。

thì nên học Bát-nhã ba-la-mật.

欲知是處非處十力無畏住佛智慧得無礙辯。當學般若波羅蜜。

dục tri thị xử phi xử thập lực vô úy trụ Phật trí tuệ đắc vô ngại
biện 。 đương học bát nhã ba la mật 。

Muốn biết là Xứ, không phải Xứ, mười lực Vô úy, trụ Trí tuệ Phật, được biện tài
Vô ngại, thì nên học Bát-nhã ba-la-mật.

爾時文殊師利白佛言。世尊。我觀正法。

nhĩ thời Văn-thù-sư-lợi bạch Phật ngôn 。 Thế tôn 。 ngã quán chánh Pháp
。

Lúc bấy giờ Văn-thù-sư-lợi bạch Phật: Thế tôn, con quán Chính pháp,

無為無相無得無利。無生無滅無來無去。

vô vi vô tướng vô đắc vô lợi 。 vô sinh vô diệt vô lai vô khứ 。

vô vi, vô tướng, vô đắc, vô lợi, vô sinh, vô diệt, vô lai, vô khứ,

無知者無見者無作者。不見般若波羅蜜。

vô tri giả vô kiến giả vô tác giả 。 bất kiến bát nhã ba la mật 。

vô tri, vô kiến, vô tác; không thấy Bát-nhã ba-la-mật,

亦不見般若波羅蜜境界。非證非不證。

diệc bất kiến bát nhã ba la mật cảnh giới 。 phi chứng phi bất chứng
。

cũng không thấy cảnh giới Bát-nhã ba-la-mật, không phải chứng, không phải
không chứng,

不作戲論無有分別。一切法無盡離盡。無凡夫法無聲聞法。

bất tác hí luận vô hữu phân biệt 。 nhất thiết Pháp vô tận ly tận 。

vô phạm phu Pháp vô thanh văn Pháp 。

không tạo hí luận, không có phân biệt. Tất cả pháp vô tận, ly tận, không pháp
phạm phu, không pháp Thanh văn,

無辟支佛法佛法。非得非不得。

vô Bích chi Phật Pháp Phật Pháp 。 phi đắc phi bất đắc 。
không pháp Phật Bích-chi, không pháp Phật, không phải đắc, không phải không
đắc,

不捨生死不證涅槃。非思議非不思議。非作非不作。

bất xả sinh tử bất chứng Niết-Bàn 。 phi tư nghị phi bất tư nghị 。 phi
tác phi bất tác 。
không bỏ sinh tử, không chứng Niết-bàn, không phải nghĩ bàn, không phải không
nghĩ bàn, không phải tạo tác, không phải không tạo tác.

法相如是。不知云何當學般若波羅蜜。

Pháp tướng như thị, bất tri vân hà đương học bát nhã ba la mật
Pháp tướng như thế, không biết làm thế nào để học Bát-nhã ba-la-mật?

爾時佛告文殊師利。若能如是知諸法相。

nhi thời Phật cáo Văn-thù-sư-lợi 。 nhược năng như thị tri chư Pháp tướng
。

Bấy giờ, Phật bảo Văn-thù-sư-lợi: Nếu có thể biết các pháp tướng như vậy,

是名當學般若波羅蜜。

thị danh đương học bát nhã ba la mật 。
đó gọi là nên học Bát-nhã ba-la-mật.

菩薩摩訶薩若欲學菩提自在三昧。得是三昧已。

Bồ Tát Ma-Ha tát nhược dục học bồ đề tự-tại tam-muội 。 đắc thị
tam-muội dĩ 。

Bồ-tát Ma-ha-tát, nếu muốn học tam-muội Bồ-đề tự tại, khi được tam-muội đó rồi,

照明一切甚深佛法及知一切諸佛名字。

chiếu minh nhất thiết thậm thâm Phật Pháp cập tri nhất thiết chư Phật danh tự 。

soi chiếu tất cả Phật pháp sâu xa và biết tất cả danh tự chư Phật,

亦悉了達諸佛世界無有障礙。

diệc tất liễu đạt chư Phật thế giới vô hữu chướng ngại 。

cũng đều thấu rõ thế giới chư Phật không có chướng ngại,

當如文殊師利所說般若波羅蜜中學。文殊師利白佛言。世尊。何以故
đương như Văn-thù-sư-lợi sở thuyết bát nhã ba la mật trung học 。

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật ngôn 。

Thế tôn 。

hà dĩ cố 。

thì nên học theo Bát-nhã ba-la-mật như đã được Văn-thù-sư-lợi thuyết. Văn-thù-sư-lợi bạch Phật: Thế tôn, vì sao

名般若波羅蜜。佛言。

danh bát nhã ba la mật 。

Phật ngôn 。

gọi là Bát-nhã ba-la-mật ? Phật nói:

般若波羅蜜無邊無際無名無相。非思量無歸依無洲渚。

bát nhã ba la mật vô biên vô tế vô danh vô tướng 。

phi tư lượng vô quy y vô châu chử 。

Bát-nhã ba-la-mật không biên tế, không danh tướng, không suy lường, không quy y, không chỗ ở,

無犯無福無晦無明。猶如法界無有分齊亦無限數。

vô phạm vô phúc vô hối vô minh 。

do như Pháp giới vô hữu phân tề diệc vô hạn số 。

không phạm, không phúc, không hối, không sáng; giống như Pháp giới, không có phân chia, cũng không giới hạn,

是名般若波羅蜜。亦名菩薩摩訶薩行處。

thị danh bát nhã ba la mật 。 diệc danh Bồ Tát Ma-Ha tát hành xứ
。

đó gọi là Bát-nhã ba-la-mật, cũng gọi là hành xứ của Bồ-tát Ma-ha-tát,

非處非不行處。悉入一乘名非行處。何以故。

phi xứ phi bất hành xứ 。 tất nhập nhất thừa danh phi hành xứ 。 hà
dĩ cố 。

không phải xứ, không phải không hành xứ; đều vào một Thừa, gọi là không phải
hành xứ. Vì sao?

無念無作故。文殊師利白佛言。世尊。

vô niệm vô tác cố 。 Văn-thù-sư-lợi bạch Phật ngôn 。 Thế tôn 。

Vì vô niệm, vô tác. Văn-thù-sư-lợi bạch Phật: Thế tôn,

當云何行能速得阿耨多羅三藐三菩提。佛言。文殊師利。

đương vân hà hành năng tốc đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。

Phật ngôn 。

Văn-thù-sư-lợi 。

nên hành thế nào để có thể sớm đắc Vô thượng Chính đẳng Chính giác? Phật
nói: Văn-thù-sư-lợi,

如般若波羅蜜所說行。

như bát nhã ba la mật sở thuyết hành 。

hành như Bát-nhã ba-la-mật đã được nói,

能速得阿耨多羅三藐三菩提。復有一行三昧。

năng tốc đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。

phục hữu nhất hành tam-muội 。

có thể sớm đắc Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Lại có tam-muội Nhất hành.

若善男子善女人修是三昧者。亦速得阿耨多羅三藐三菩提。

nhược thiện nam tử Thiện Nữ Nhân tu thị tam-muội giả 。 diệt tốc đắc
a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。

Nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhân tu tam-muội này, cũng sớm được Vô thượng
Chính đẳng Chính giác.

文殊師利言。世尊。云何名一行三昧。佛言。

Văn-thù-sư-lợi ngôn 。

Thế tôn 。

vân hà danh nhất hành tam-muội 。

Phật ngôn 。

Văn-thù-sư-lợi nói: Thế tôn, thế nào gọi là tam-muội Nhất hành? Phật nói:

法界一相。繫緣法界是名一行三昧。

Pháp giới nhất tướng 。

hệ duyên Pháp giới thị danh nhất hành tam-
muội 。

Pháp giới nhất tướng, duyên vào Pháp giới gọi là tam-muội Nhất hành.

若善男子善女人。欲入一行三昧。

nhược thiện nam tử Thiện Nữ Nhân 。

dục nhập nhất hành tam-muội 。

Nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhân muốn nhập tam-muội Nhất hành,

當先聞般若波羅蜜如說修學然後能入一行三昧。如法界緣不退不壞。

đương tiên văn bát nhã ba la mật như thuyết tu học nhiên hậu
năng nhập nhất hành tam-muội 。

như Pháp giới duyên bất thối bất
hoại 。

trước nên nghe Bát-nhã ba-la-mật, tu học như đã thuyết, sau đó mới có thể nhập
tam-muội Nhất hành. Như duyên Pháp giới, không lùi, không hoại,

不思議無礙無相。

bất tư nghị vô ngại vô tướng 。

không nghĩ bàn, không ngại, không tướng.

善男子善女人欲入一行三昧。

thiện nam tử Thiện Nữ Nhân dục nhập nhất hành tam-muội。
Thiện nam tử, Thiện nữ nhân muốn nhập tam-muội Nhất hành,

應處空閑捨諸亂意不取相貌繫心一佛專稱名字。隨佛方所端身正向。
ứng xử không nhàn xả chư loạn ý bất thủ tướng mạo hệ tâm
nhất Phật chuyên xưng danh tự。tùy Phật phương sở đoan thân
chánh hướng。

nên ở chỗ trống vắng, bỏ các ý tạp, không nắm tướng mạo, buộc tâm vào một vị
Phật, chuyên xưng danh hiệu, theo hướng chỗ của Phật, thân hình ngay thẳng,
hướng về phía đó,

能於一佛念念相續。

năng ư nhất Phật niệm niệm tương tục。
có thể nhớ nghĩ liên tục đến một vị Phật,

即是念中能見過去未來現在諸佛。何以故。念一佛功德無量無邊。

tức thị niệm trung năng kiến quá khứ vị lai hiện tại chư Phật。hà dĩ cố。
niệm nhất Phật công đức vô lượng vô biên。

thì trong sự nhớ nghĩ đó có thể thấy chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại. Vì sao?
Nhớ nghĩ đến một vị Phật thì công đức vô lượng vô biên,

亦與無量諸佛功德。無二不思議。佛法等無分別。

diệc dĩ vô lượng chư Phật công đức。vô nhị bất tư nghị。Phật Pháp
đẳng vô phân biệt。

cùng với vô lượng công đức chư Phật, không hai, không thể nghĩ bàn. Pháp Phật
đồng đẳng, không phân biệt,

皆乘一如成最正覺。悉具無量功德無量辯才。

giai thừa nhất như thành tối chánh giác。tất cụ vô lượng công đức
vô lượng biện tài。

đều nương Nhất Như thành Chính giác tối thắng, tất đầy đủ vô lượng công đức, vô lượng biện tài.

如是入一行三昧者。

như thị nhập nhất hành tam-muội giả 。

Người nhập tam-muội Nhất hành như thế,

盡知恒沙諸佛法界無差別相。阿難所聞佛法。得念總持辯才智慧。

tận tri hằng sa chư Phật Pháp giới vô sai biệt tướng 。

A-nan sở văn Phật Pháp 。

đắc niệm tổng trì biện tài trí tuệ 。

biết hết hằng sa Pháp giới chư Phật, tướng không sai biệt. A-nan nghe được pháp Phật, đắc Niệm tổng trì, Biện tài, Trí tuệ;

於聲聞中雖為最勝。猶住量數則有限礙。

ư thanh văn trung tuy vi tối thắng 。

do trụ lượng số tắc hữu hạn ngại 。

trong hàng Thanh Văn tuy là tối thắng, nhưng còn trụ vào lượng, số nên còn bị giới hạn, ngăn ngại.

若得一行三昧。諸經法門一一分別。

nhược đắc nhất hành tam-muội 。

chư Kinh Pháp môn nhất nhất phân biệt 。

Nếu được tam-muội Nhất hành, thì mỗi một khác biệt của các kinh điển, pháp môn,

皆悉了知決定無礙。晝夜常說智慧辯才終不斷絕。

giai tất liễu tri quyết định vô ngại 。

trú dạ thường thuyết trí tuệ biện tài chung bất đoạn tuyệt 。

thầy đều biết rõ, quyết định, không ngăn ngại, ngày đêm thường thuyết, trí tuệ, biện tài không bao giờ đoạn.

若比阿難多聞辯才百千等分不及其一。

nhược bỉ A-nan đa văn biện tài bách thiên đẳng phân bất cập kỳ nhất 。

Nếu lấy sự đa văn và biện tài của A-nan để so sánh thì trăm, nghìn, vạn, vô tận, phần cũng không bằng được một phần của họ.

菩薩摩訶薩應作是念。

Bồ Tát Ma-Ha tát ứng tác thị niệm 。

Bồ-tát Ma-ha-tát nên nghĩ thế này:

我當云何逮得一行三昧不可思議功德無量名稱。佛言。菩薩摩訶薩。

ngã đương vân hà đãi đắc nhất hành tam-muội bất khả tư nghị công đức vô lượng danh xưng 。

Ta nên làm thế nào để kịp đắc tam-muội Nhất hành, công đức bất khả tư nghị, vô lượng danh xưng? Phật nói: Bồ-tát Ma-ha-tát

當念一行三昧常勤精進而不懈怠。

đương niệm nhất hành tam-muội thường tinh cần tinh tấn nhi bất giải đãi 。

nên niệm tam-muội Nhất hành, thường cần tinh cần, mà không biếng nhác.

如是次第漸漸修學。則能得入一行三昧。

như thị thứ đệ tiệm tiệm tu học 。

Tu học dần dần thứ lớp như vậy, tức có thể vào được tam-muội Nhất hành,

不可思議功德作證。除謗正法不信惡業重罪障者。

bất khả tư nghị công đức tác chứng 。

chứng được công đức không thể nghĩ bàn; ngoại trừ những người chê bai Chính pháp, không tin nghiệp ác, tội chướng nặng nề,

所不能入。復次文殊師利。

sở bất năng nhập 。 phục thứ Văn-thù-sư-lợi 。
mới không thể vào. Lại nữa, Văn-thù-sư-lợi.

譬如有人得摩尼珠示其珠師。珠師答言。此是無價真摩尼寶。

thí như hữu nhân đắc ma-ni châu kì kỳ châu sư 。 châu sư
đáp ngôn 。 thử thị vô giá chân ma-ni bảo 。

Ví như có người được ngọc Ma-ni, đưa cho người thợ ngọc xem. Khi người thợ
ngọc nói: đây đúng là ngọc báu Ma-ni thật, vô giá;

即求師言。為我治磨勿失光色。

tức cầu sư ngôn 。 vi ngã trì ma vật thất quang sắc 。

bèn xin người thợ rằng: hãy mài dũa cho tôi mà đừng để mất màu sáng.

珠師治已隨其磨時。珠色光明映徹表裏。文殊師利。

châu sư trì dĩ tùy kỳ ma thời 。 châu sắc quang-minh ánh triệt
biểu lý 。

Khi người thợ ngọc làm xong, nhờ vào thời gian mài dũa mà màu sắc của ngọc
trở nên rực rỡ, suốt từ bên trong. Văn-thù-sư-lợi,

若有善男子善女人修學一行三昧。

nhược hữu thiện nam tử Thiện Nữ Nhân tu học nhất hành tam-muội 。

nếu có Thiện nam tử, Thiện nữ nhân tu học tam-muội Nhất hành,

不可思議功德無量名稱。隨修學時知諸法相。

bất khả tư nghị công đức vô lượng danh xưng 。

tùy tu học thời tri
chư Pháp tướng 。

công đức bất khả tư nghị, vô lượng danh xưng. Nhờ vào thời gian tu học mà biết
được tướng các pháp,

明達無礙功德增長。亦復如是。文殊師利。

minh đạt vô ngại công đức tăng trưởng 。 diệc phục như thị 。 Văn-thù-sư-lợi 。

minh đạt không ngại, công đức tăng trưởng, cũng giống như vậy. Văn-thù-sư-lợi,

譬如日輪光明遍滿無有減相。若得一行三昧。

thí như nhật luân quang-minh biến mãn vô hữu giảm tướng 。 nhược đắc nhất hành tam-muội 。

ví như ánh sáng mặt trời soi chiếu cùng khắp mà tướng không giảm, nếu được tam-muội Nhất hành,

悉能具足一切功德無有缺少。亦復如是。

tất năng cụ túc nhất thiết công đức vô hữu khuyết thiếu 。 diệc phục như thị 。

thì có thể đầy đủ tất cả công đức, không có khuyết thiếu, cũng giống như vậy.

照明佛法如日輪光。文殊師利。

chiếu minh Phật Pháp như nhật luân quang 。 Văn-thù-sư-lợi
Pháp Phật soi chiếu như ánh sáng mặt trời. Văn-thù-sư-lợi,

我所說法皆是一味離味。解脫味寂滅味。

ngã sở thuyết Pháp giai thị nhất vị ly vị 。 giải thoát vị tịch diệt vị
Pháp ta nói đều là một vị mà không phải vị: vị giải thoát, vị tịch diệt.

若善男子善女人得是一行三昧者。其所演說亦是一味離味。

nhược thiện nam tử Thiện Nữ Nhân đắc thị nhất hành tam-muội giả 。 kỳ sở diễn thuyết diệc thị nhất vị ly vị 。

Nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhân đắc được tam-muội Nhất hành như thế, thì điều họ diễn nói cũng là một vị mà không phải vị,

解脫味寂滅味。隨順正法無錯謬相。文殊師利。

giải thoát vị tịch diệt vị 。 tùy thuận chánh Pháp vô thác mậu tướng
。 Văn-thù-sư-lợi 。

vị giải thoát, vị tịch diệt, tùy thuận Chánh Pháp, không có tướng sai lầm. Văn-thù-
sư-lợi,

若菩薩摩訶薩得是一行三昧。

nhược Bồ Tát Ma-Ha tát đắc thị nhất hành tam-muội 。

nếu Bồ-tát Ma-ha-tát đợc tam-muội Nhất hành như thế,

皆悉滿足助道之法。速得阿耨多羅三藐三菩提。

giai tất mãn túc trợ đạo chi Pháp 。

tốc đắc a nậu đa la tam miểu tam
Bồ-đề 。

thì đều đầy đủ các pháp trợ đạo, sớm đợc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

復次文殊師利。菩薩摩訶薩。

phục thứ Văn-thù-sư-lợi 。

Bồ Tát Ma-Ha tát 。

Lại nữa, Văn-thù-sư-lợi. Bồ-tát Ma-ha-tát

不見法界有分別相及以一相。速得阿耨多羅三藐三菩提相不可思議。

bất kiến Pháp giới hữu phân biệt tướng cập dĩ nhất tướng 。

tốc đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề tướng bất khả tư nghị 。

không thấy Pháp giới có tướng phân biệt và tướng đồng nhất, thì sớm đợc
tướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không thể nghĩ bàn;

是菩提中亦無得佛。

thị bồ đề trung diệc vô đắc Phật 。

đối với Bồ-đề đó cũng không đắc đợc Phật.

如是知者速得阿耨多羅三藐三菩提。若信一切法悉是佛法。

như thị tri giả tốc đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。

nhược tín nhất thiết Pháp tất thị Phật Pháp 。

Người biết như vậy sớm được Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Nếu tin tất cả pháp đều là Phật pháp,

不生驚怖亦不疑惑。如是忍者。

bất sinh kinh phổ diệc bất nghi hoặc 。 như thị nhãn giả 。
không sinh sợ hãi cũng không nghi ngờ, người nhãn như vậy,

速得阿耨多羅三藐三菩提。文殊師利白佛言。世尊。以如是因。

tốc đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。 Văn-thù-sư-lợi bạch Phật ngôn 。
Thế tôn 。 dĩ như thị nhân 。

sớm được Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Văn-thù-sư-lợi bạch Phật: Thế tôn,
vì nhân như vậy

速得阿耨多羅三藐三菩提耶。佛言。

tốc đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề da 。 Phật ngôn 。
mà sớm được Vô thượng Chính đẳng Chính giác sao? Phật nói:

得阿耨多羅三藐三菩提。不以因得不以非因得。

đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。 bất dĩ nhân đắc bất dĩ phi nhân đắc 。

Được Vô thượng Chính đẳng Chính giác, không dùng nhân để được, không dùng
chẳng phải nhân để được.

何以故。不思議界。不以因得不以非因得。

hà dĩ cố 。 bất tư nghi giới 。 bất dĩ nhân đắc bất dĩ phi nhân đắc 。

Vì sao? Cảnh giới bất tư nghi, không dùng nhân để đắc, không dùng chẳng phải
nhân để đắc.

若善男子善女人聞如是說不生懈怠。

nhược thiện nam tử Thiện Nữ Nhân văn như thị thuyết bất sinh giải đãi
。

Nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhân nghe nói như vậy mà không sinh biếng nhác,

當知是人已於先佛種諸善根。是故比丘比丘尼。

đương tri thị nhân dĩ ư tiên Phật chủng chư căn lành 。 thị cố bỉ khâu
bỉ khâu ni 。

nên biết người ấy, trước đây đã trồng các căn lành đối với Phật. Vì thế, Tỷ-khưu,
Tỷ-khưu ni,

聞說是甚深般若波羅蜜。不生驚怖。

văn thuyết thị thậm thâm bát nhã ba la mật 。 bất sinh kinh phố
。

nghe thuyết Bát-nhã ba-la-mật rất sâu xa ấy mà không kinh hãi,

即是從佛出家。若優婆塞優婆夷。

tức thị tòng Phật xuất gia 。 nhược Ưu-bà- tắc Ưu-bà- di 。

tức là xuất gia từ Phật. Nếu Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di,

得聞如是甚深般若波羅蜜。心不驚怖。即是成就真歸依處。

đắc văn như thị thậm thâm bát nhã ba la mật 。 tâm bất kinh phố
。 tức thị thành tựu chân quy y xử 。

được nghe Bát-nhã ba-la-mật sâu xa như vậy, tâm không sợ hãi, tức là thành tựu
chỗ quy y chân chánh.

文殊師利。

Văn-thù-sư-lợi 。

Văn-thù-sư-lợi,

若善男子善女人不習甚深般若波羅蜜。即是不修佛乘。

nhược thiện nam tử Thiện Nữ Nhân bất tập thậm thâm bát nhã ba la
mật 。

tức thị bất tu Phật thừa 。

nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhân không tu tập Bát-nhã ba-la-mật sâu xa, tức không tu Phật thừa.

譬如大地一切藥木皆依地生長。文殊師利。菩薩摩訶薩亦復如是。

thí như Đại địa nhất thiết được mọc giai y địa sinh trường 。 Văn-thù-sư-lợi 。 Bồ Tát Ma-Ha tát diệc phục như thị 。

Ví như tất cả cây thuốc trên trái đất đều nương vào đất mà sinh trưởng. Văn-thù-sư-lợi, Bồ-tát Ma-ha-tát cũng như thế.

一切善根皆依般若波羅蜜而得增長。

nhất thiết căn lành giai y bát nhã ba la mật nhi đắc tăng trường 。

Tất cả căn lành đều nương vào Bát-nhã ba-la-mật để được tăng trưởng.

於阿耨多羅三藐三菩提。不相違背。

ư a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。

Đối với Vô thượng Chính đẳng Chính giác, không có trái nghịch.

爾時文殊師利白佛言。世尊。此閻浮提城邑聚落。

nhĩ thời Văn-thù-sư-lợi bạch Phật ngôn 。

Lúc bấy giờ Văn-thù-sư-lợi bạch Phật: Thế tôn, thành ấp, làng xóm ở Diêm-phù-đề này,

當於何處演說如是甚深般若波羅蜜。

đương ư hà xử diển thuyết như thị thậm thâm bát nhã ba la mật 。

nên ở chỗ nào diễn nói Bát-nhã ba-la-mật sâu xa như thế?

佛告文殊師利。今此會中若有人聞般若波羅蜜。

Phật cáo Văn-thù-sư-lợi 。

Phật bảo Văn-thù-sư-lợi: Trong hội này, nếu có người nghe Bát-nhã ba-la-mật,

皆發誓言。於未來世常得與般若波羅蜜相應。

giai phát thệ ngôn 。 ư vị lai thế thường đắc dữ bát nhã ba la mật tướng ứng 。

đều phát lời thệ: ở đời vị lai thường được tương ứng với Bát-nhã ba-la-mật;

從是信解。未來世中能聽是經。

tòng thị tín giải 。 vị lai thế trung năng thính thị Kinh 。

từ sự tin hiểu như thế, trong đời vị lai có thể nghe được kinh này.

當知此人不從餘小善根中來。所能堪受聞已歡喜。文殊師利。

đương tri thử nhân bất tòng dư tiểu căn lành trung lai 。

sở năng kham thọ văn dĩ hoan hỷ 。

Văn-thù-sư-lợi 。

Nên biết người này không đến từ nơi các căn lành ít ỏi khác; những điều có thể lãnh thọ, khi nghe xong đều hoan hỷ. Văn-thù-sư-lợi,

若復有人從汝聽是般若波羅蜜。應作是言。

nhược phục hữu nhân tòng nhữ thính thị bát nhã ba la mật 。

ứng tác thị ngôn 。

nếu lại có người, nghe được Bát-nhã ba-la-mật ấy từ ông, nên khởi niệm như thế này:

此般若波羅蜜中。無聲聞辟支佛法佛法。

thử bát nhã ba la mật trung 。

vô thanh văn Bích chi Phật Pháp Phật Pháp 。

trong Bát-nhã ba-la-mật này, không có pháp Thanh văn, pháp Phật Bích-chi, pháp Phật,

亦無凡夫生滅等法。文殊師利白佛言。世尊。

diệc vô phàm phu sinh diệt đẳng Pháp 。

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật ngôn 。

Thế tôn 。

cũng không có các pháp phàm phu, sinh, diệt, vân vân. Văn-thù-sư-lợi bạch Phật: Thế tôn,

若比丘比丘尼優婆塞優婆夷。來問我言。

nhược bỉ khâu bỉ khâu ni Ưu-bà- tắc Ưu-bà- di 。 lai vấn ngã ngôn 。

nếu Tỷ-khưu, Tỷ-khưu ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di đến hỏi con rằng

云何如來說般若波羅蜜。我當答言。

vân hà Như-Lai thuyết bát nhã ba la mật 。 ngã đương đáp ngôn 。

vì sao Như lai nói Bát-nhã ba-la-mật, thì con sẽ đáp rằng

一切諸法無諍論相。云何如來當說般若波羅蜜。何以故。

nhất thiết chư Pháp vô tranh luận tướng 。 vân hà Như-Lai đương thuyết bát nhã ba la mật 。 hà dĩ cố 。

tất cả các pháp không có tướng tranh luận, tại sao Như lai lại thuyết Bát-nhã ba-la-mật? Vì sao?

不見有法可與法諍論。

bất kiến hữu Pháp khả dĩ Pháp tranh luận 。

Vì không thấy có pháp có thể cùng pháp tranh luận;

亦無眾生心識能知。復次世尊。我當更說究竟實際。何以故。

diệc vô chúng sinh tâm thức năng tri 。 phục thứ Thế tôn 。 ngã đương canh thuyết cứu cánh thật tế 。 hà dĩ cố 。

cũng không có chúng sinh tâm thức có thể biết. Lại nữa, Thế tôn. Con sẽ lại nói Thật tế cứu cánh. Vì sao?

一切法相同入實際。阿羅漢無別勝法。何以故。

nhất thiết Pháp tướng đồng nhập thật tế 。 A-la-hán vô biệt thắng Pháp 。 hà dĩ cố 。

Tất cả Pháp tướng đều nhập Thật Tế. A-la-hán không có pháp thù thắng riêng.
Vì sao?

阿羅漢法凡夫法。不一不異故。復次世尊。

A-la-hán Pháp phàm phu Pháp 。 bất nhất bất dị cố 。 phục thứ Thế tôn 。

Vì pháp A-la-hán, pháp phàm phu, không một, không khác. Lại nữa, Thế tôn.

如是說法。無有眾生已得涅槃今得當得。

như thị thuyết Pháp 。 vô hữu chúng sinh dĩ đắc Niết-Bàn kim đắc đương đắc 。

Thuyết Pháp như vậy, không có chúng sinh đã đắc, đang đắc và sẽ đắc Niết-bàn.

何以故。無有決定眾生相故。文殊師利言。

hà dĩ cố 。 vô hữu quyết định chúng sinh tướng cố 。 Văn-thù-sư-lợi ngôn 。

Vì sao? Vì không có tướng chúng sinh quyết định. Văn-thù-sư-lợi nói:

若人欲聞般若波羅蜜。我當作如是說。其有聽者。

nhược nhân dục văn bát nhã ba la mật 。 ngã đương tác như thị thuyết 。 kỳ hữu thính giả 。

Nếu có người muốn nghe Bát-nhã ba-la-mật, con sẽ nói như thế này: người nghe

不念不著無聞無得。當如幻人無所分別。

bất niệm bất trú vô văn vô đắc 。 đương như huyễn nhân vô sở phân biệt 。

không khởi niệm, không dính mắc, không nghe, không đắc; nên giống như người huyễn, không có phân biệt.

如是說者是真說法。是故聽者莫作二相。

như thị thuyết giả thị chân thuyết Pháp 。 thị cố thính giả mạc tác nhị tướng 。

Nói như thế chính là thuyết pháp chân chính. Vì thế người nghe chớ khởi hai tướng,

不捨諸見而修佛法。不取佛法不捨凡夫法。何以故。

bất xả chư kiến nhị tu Phật Pháp 。 bất thủ Phật Pháp bất xả phàm phu Pháp 。 hà dĩ cố 。

không bỏ các kiến, mà tu pháp Phật. Không nắm bắt pháp Phật, không bỏ pháp phàm phu. Vì sao?

佛及凡夫二法相空。無取捨故。若人問我。

Phật cập phàm phu nhị Pháp tướng không 。 vô thủ xả cố 。 nhược nhân vấn ngã 。

Vì Phật và phàm phu, tướng của hai pháp đều Không, không nắm, không bỏ. Nếu có người hỏi con

當作是說。如是安慰如是建立。

đương tác thị thuyết 。 như thị an úy như thị kiến lập 。

thì nên nói như thế, an ủi như thế, kiến lập như thế.

善男子善女人應如是問作如是住。心不退不沒。

thiện nam tử Thiện Nữ Nhân ứng như thị vấn tác như thị trụ 。

Thiện nam tử, Thiện nữ nhân nên hỏi như thế, nên trụ như thế, tâm không thối lui, không bị chìm mất;

當如法相隨順。般若波羅蜜說。

đương như Pháp tướng tùy thuận 。

nên thuận theo Pháp tướng mà thuyết Bát-nhã ba-la-mật 。

爾時世尊歎文殊師利。善哉善哉。

nhĩ thời Thế tôn thán Văn-thù-sư-lợi 。 Thiện tai Thiện tai 。

Bấy giờ, Thế tôn khen Văn-thù-sư-lợi: Lành thay! Lành thay!

如汝所說。若善男子善女人欲見諸佛。

như nhữ sở thuyết 。 nhược thiện nam tử Thiện Nữ Nhân dục kiến chư Phật 。

Như điều ông nói, nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhân muốn thấy chư Phật,

應學如是般若波羅蜜。欲親近諸佛如法供養。

ứng học như thị bát nhã ba la mật 。 dục thân cận chư Phật như Pháp cúng dường 。

nên học Bát-nhã ba-la-mật như thế; muốn gần gũi chư Phật, như pháp cúng dường,

應學如是般若波羅蜜。若欲言如來是我世尊。

ứng học như thị bát nhã ba la mật 。 nhược dục ngôn Như-Lai thị ngã Thế tôn 。

nên học Bát-nhã ba-la-mật như thế. Nếu muốn nói Như lai là Thế tôn của ta,

應學如是般若波羅蜜。若言如來非我世尊。

ứng học như thị bát nhã ba la mật 。 nhược ngôn Như-Lai phi ngã Thế tôn 。

thì nên học Bát-nhã ba-la-mật như vậy. Nếu nói Như lai không phải Thế tôn của ta,

亦應學如是般若波羅蜜。

diệc ứng học như thị bát nhã ba la mật 。

thì cũng nên học Bát-nhã ba-la-mật như thế.

若欲成阿耨多羅三藐三菩提。應學如是般若波羅蜜。

nhược dục thành a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。 ứng học như thị bát nhã ba la mật 。

Nếu muốn thành Vô thượng Chính đẳng Chính giác, nên học Bát-nhã ba-la-mật như thế.

若欲不成阿耨多羅三藐三菩提。

nhược dục bất thành a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。

Nếu muốn không thành Vô thượng Chính đẳng Chính giác,

亦應學如是般若波羅蜜。若欲成就一切三昧。

diệc ứng học như thị bát nhã ba la mật 。

nhược dục thành tựu nhất thiết tam-muội 。

cũng nên học Bát-nhã ba-la-mật như thế. Nếu muốn thành tựu tất cả tam-muội,

應學如是般若波羅蜜。若欲不成就一切三昧。

ứng học như thị bát nhã ba la mật 。

nhược dục bất thành tựu nhất thiết tam-muội 。

nên học Bát-nhã ba-la-mật như thế. Nếu muốn không thành tựu tất cả tam-muội,

亦應學如是般若波羅蜜。何以故。無作三昧無異相故。

diệc ứng học như thị bát nhã ba la mật 。

hà dĩ cố 。

vô tác tam-muội vô dị tướng cố 。

cũng nên học Bát-nhã ba-la-mật như thế. Vì sao? Vì tam-muội Vô tác không có tướng khác;

一切法無生無出故。若欲知一切法假名。

nhất thiết Pháp vô sinh vô xuất cố 。

nhược dục tri nhất thiết Pháp giả danh 。

vì tất cả pháp không sinh, không khởi. Nếu muốn biết tất cả pháp là giả danh,

應學如是般若波羅蜜。

ứng học như thị bát nhã ba la mật 。
nên học Bát-nhã ba-la-mật như thế.

若欲知一切眾生修菩提道不求菩提相心不退沒。

nhược dục tri nhất thiết chúng sinh tu bồ đề đạo bất cầu bồ đề
tướng tâm bất thối một 。

Nếu muốn biết tất cả chúng sinh tu đạo Bồ-đề, không cầu tướng Bồ-đề, tâm
không thối mất,

應學如是般若波羅蜜。何以故。一切法皆菩提相故。

ứng học như thị bát nhã ba la mật 。

hà dĩ cố 。

nhất thiết Pháp giai
bồ đề tướng cố 。

thì nên học Bát-nhã ba-la-mật như thế. Vì sao? Vì tất cả pháp đều là tướng Bồ-
đề.

若欲知一切眾生行非行相。非行即菩提。

nhược dục tri nhất thiết chúng sinh hành phi hành tướng 。

phi hành
tức bồ đề 。

Nếu muốn biết tất cả chúng sinh hành tướng chẳng phải hành, chẳng phải hành
tức Bồ-đề,

菩提即法界。法界即實際。心不退沒。

bồ đề tức Pháp giới 。

Pháp giới tức thật tế 。

tâm bất thối một 。

Bồ-đề tức Pháp giới, Pháp giới tức Thật Tế, tâm không lùi, mất,

應學如是般若波羅蜜。

ứng học như thị bát nhã ba la mật 。

thì nên học Bát-nhã ba-la-mật như thế.

若欲知一切如來神通變化無相無礙亦無方所。應學如是般若波羅蜜。

nhược dục tri nhất thiết Như-Lai Thần thông biến hoá vô tướng vô ngại
diệc vô phương sở 。 ứng học như thị bát nhã ba la mật 。

Nếu muốn biết tất cả Như lai, thần thông biến hoá, không tướng, không ngại,
cũng không nơi chốn, nên học Bát-nhã ba-la-mật như thế.

佛告文殊師利。若比丘比丘尼優婆塞優婆夷。

Phật cáo Văn-thù-sư-lợi 。 nhược bỉ khâu bỉ khâu ni Ưu-bà- tắc Ưu-bà- di
。

Phật bảo Văn-thù-sư-lợi: Nếu Tỷ-khưu, Tỷ-khưu ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di,

欲得不墮惡趣。

dục đắc bất đọa ác thú 。

muốn không bị rơi vào đường ác,

當學般若波羅蜜一四句偈受持讀誦為他解說隨順實相。

đương học bát nhã ba la mật nhất tứ cú kệ thọ trì đọc tụng vì tha
giải thuyết tùy thuận thật tướng 。

thì nên học Bát-nhã ba-la-mật, một bài kệ bốn câu, thọ trì, đọc tụng, vì người
khác giải nói, tùy thuận Thật tướng.

如是善男子善女人。

như thị thiện nam tử Thiện Nữ Nhân 。

Thiện nam tử, Thiện nữ nhân như vậy,

當知決定得阿耨多羅三藐三菩提則住佛國。若聞如是般若波羅蜜。

đương tri quyết định đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề tắc trụ Phật quốc
。 nhược văn như thị bát nhã ba la mật 。

nên biết, nhất định đắc được Vô thượng Chính đẳng Chính giác, tức trú ở nước
Phật. Nếu nghe Bát-nhã ba-la-mật như vậy,

不驚不畏心生信解。當知此輩佛所印可。

bất kinh bất úy tâm sinh tín giải 。 đương tri thử bối Phật sở ấn khả
。

không kinh, không sợ, tâm sinh tin hiểu, nên biết những người này được Phật ấn
khả;

是佛所行大乘法印。若善男子善女人學此法印超過惡趣。

thị Phật sở hạnh Đại thừa Pháp ấn 。 nhược thiện nam tử Thiện Nữ
Nhân học thử Pháp ấn siêu quá ác thú 。

đó là Pháp ấn Đại thừa được Phật thực hành. Nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhân
học Pháp ấn này, sẽ vượt qua đường ác,

不入聲聞辟支佛道。以超過故。

bất nhập thanh văn Bích chi Phật đạo 。 dĩ siêu quá cố 。

không nhập đạo Thanh văn, đạo Phật Bích-chi, vì đã vượt quá.

爾時帝釋三十三天。

nhĩ thời đế thích tam thập tam Thiên 。

Bấy giờ, Đế Thích ở cõi trời Tam thập tam

以天妙華優鉢羅華拘物頭華分陀利華天曼陀羅華等天栴檀香及

dĩ Thiên diệu hoa Ưu bát la hoa câu vật đầu hoa phân đà lợi hoa Thiên

Mạn-đà-la hoa đẳng Thiên chiên đàn hương cập

dùng diệu hoa của cõi trời, hoa Ưu-bát-la, hoa Câu-vật-đầu, hoa Phân-đà-lợi, hoa

Thiên mạn-đà-la, vân vân, hương Thiên chiên-đàn,

餘末香種種金寶作天伎樂。

dư mạt hương chủng chủng kim bảo tác Thiên kĩ nhạc 。

các hương bột khác, đủ loại kim bảo, múa hát nhạc trời,

為供養般若波羅蜜并諸如來及文殊師利。以散其上。

vi cung dưỡng bát nhã ba la mật tinh chú Như-Lai cập Văn-thù-sư-lợi
。 dĩ tán kỳ thượng 。

để cúng dường Bát-nhã ba-la-mật cùng các Như lai và Văn-thù-sư-lợi,
rải lên trên đó.

作是供養已。願我常聞般若波羅蜜法印。

tác thị cung dưỡng dĩ 。

nguyện ngã thường văn bát nhã ba la mật
Pháp ấn ếmau

Cúng dường xong, nguyện rằng ta thường nghe được Pháp ấn Bát-nhã ba-la-
mật.

釋提桓因復作是願。願閻浮提善男子善女人。

thích đề hoàn nhân phục tác thị nguyện 。

nguyện Diêm-phù-đề thiện
nam tử Thiện Nữ Nhân 。

Thích-đề-hoàn-nhân lại phát nguyện thế này: Nguyện Thiện nam tử, Thiện nữ
nhân ở Diêm-phù-đề,

常使得聞是經決定佛法。

thường sử đắc văn thị Kinh quyết định Phật Pháp 。

thường được nghe kinh này, hiểu rõ Phật pháp,

皆令信解受持讀誦為人演說。一切諸天為作擁護。

giai lệnh tín giải thọ trì đọc tụng vi nhân diễn thuyết 。

nhất thiết chú
Thiên vi tác ủng hộ 。

đều tin hiểu, thọ trì, đọc tụng, vì người khác diễn nói, thì tất cả chú Thiên đều ủng
hộ.

爾時佛告釋提桓因言。憍尸迦。如是如是。善男子。

nhĩ thời Phật cáo thích đề hoàn nhân ngôn 。

kiêu thi ca 。

như thị như thị
。 thiện nam tử 。

Bấy giờ, Phật bảo Thích-đề-hoàn-nhân: Kiêu-thi-ca, đúng vậy, đúng vậy. Thiện nam tử,

善女人當得決定諸佛菩提。文殊師利白佛言。世尊。

Thiện Nữ Nhân đương đắc quyết định chư Phật bồ đề 。 Văn-thù-sư-lợi bạch Phật ngôn 。 Thế tôn 。

Thiện nữ nhân sẽ được hiểu rõ Bồ-đề của chư Phật. Văn-thù-sư-lợi bạch Phật: Thế tôn,

如是受持善男子善女人。得大利益功德無量。

như thị thọ trì thiện nam tử Thiện Nữ Nhân 。 đắc Đại lợi ích công đức vô lượng 。

Thiện nam tử, Thiện nữ nhân thọ trì như vậy, được lợi ích lớn, công đức vô lượng.

爾時以佛神力。一切大地六種震動。

nhĩ thời dĩ Phật Thần lực 。 nhất thiết Đại địa lục chủng chấn động 。

Lúc bấy giờ Phật dùng thần lực, tất cả Đại địa sáu loại chấn động.

佛時微笑放大光明。遍照三千大千世界。

Phật thời vi tiếu phóng Đại quang-minh 。 biến chiếu tam Thiên Đại Thiên thế giới 。

Lúc đó Phật mỉm cười, phóng ánh sáng lớn, soi khắp cả Tam thiên đại thiên thế giới.

文殊師利白佛言世尊。即是如來印般若波羅蜜相。

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật ngôn Thế tôn 。

tức thị Như-Lai ấn bát nhã ba la mật tướng 。

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật: Thế tôn, đó là Như lai ấn chứng tướng của Bát-nhã ba-la-mật.

佛言。文殊師利。如是如是。

Phật ngôn 。 Văn-thù-sư-lợi 。 như thị như thị 。

Phật nói: Văn-thù-sư-lợi, đúng vậy, đúng vậy.

說般若波羅蜜已皆現此瑞。為印般若波羅蜜故。

thuyết bát nhã ba la mật dĩ giai hiện thử thụy 。 vì ấn bát nhã ba la mật cố 。

Thuyết Bát-nhã ba-la-mật xong, đều hiện điềm lành này, vì để ấn chứng Bát-nhã ba-la-mật,

使人受持令無讚毀。何以故。無相法印不可讚毀。

sử nhân thọ trì lệnh vô tán hủy 。 hà dĩ cố 。 vô tướng Pháp ấn bất khả tán hủy 。

khiến người thọ trì không khen chê. Vì sao? Pháp ấn Vô tướng không thể khen chê.

我今以是法印。令諸天魔不能得便。佛說是已。

ngã kim dĩ thị Pháp ấn 。 lệnh chư Thiên ma bất năng đắc tiện 。

Nay Ta dùng Pháp ấn này, khiến các Thiên ma không có cơ hội. Phật nói như thế xong,

爾時諸大菩薩及四部眾。聞說般若波羅蜜。

nhi thời chư Đại Bồ Tát cập tứ bộ chúng 。 văn thuyết bát nhã ba la mật 。

bấy giờ các Đại Bồ-tát cùng bốn bộ chúng, nghe thuyết Bát-nhã ba-la-mật,

歡喜奉行。

hoan hỷ phụng hành 。

hoan hỷ phụng hành 。

文殊師利所說摩訶般若波羅蜜經

Văn-thù-sư-lợi sở thuyết Ma ha Bát nhã ba la mật Kinh
[Kinh Văn-thù-sư-lợi Sở Thuyết Ma-ha Bát-nhã ba-la-mật](#)

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiễn Trần Tiến Huyền Phiên Âm và
Lược Dịch Sun Apr 30 19:25:30 2006

=====